

—
THERAVADA
ĐẠO PHẬT THÍCH - CA

PHẬT-NGÔN
TRÍCH DỊCH



Cư-sĩ Lê-văn-Giang

2502
1959

(Tái bản lần thứ 3)

**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA**

PHẬT NGÔN TRÍCH DỊCH

Soạn giả

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG
(VAÑSARAKKHITA MAHĀTHERA)

MỤC LỤC

PHẬT GIÁO LƯỢC LUẬN.....	5
TU CÁCH NÀO MÀ ĐƯỢC CHÚNG QUẢ NIẾT-BÀN	8
• Tu giới là	8
• Tu định là.....	8
• Tu huệ là.....	9
• Giải về quả tứ thánh.....	10
• Giải về: phân pháp tiếp dẫn và tế độ chúng sanh nên quả bồ đề (varabodhipakkhiyadhammasaṅgaho).....	10
• Lược giải về sự tích của Đại đức Aññatakondañña.....	13
• Phật giảng lại hỏi Ngài còn làm Bồ-tát, xuất gia tìm đạo (trích dịch trong Đại Tạng kinh thứ 26).	14
• Phật giảng cho ông Aggivessana nghe (trích dịch trong Đại Tạng kinh thứ 36)	14
• Giải về lúc Phật, sau khi được giải thoát, Ngài quán tưởng 12 nhơn duyên dưới gốc cây Bồ đề.	18
• Dưới cội cây radijayatana.....	20
• Dưới cội cây adjapala	20
• Thuyết Pháp lần đầu.....	21
• Trích dịch ở kinh tự thuyết.....	23
• Ông Xá-Lợi-Phất nói.....	24
• Phật giải về lý vô thường.....	24
• Phật giải về sự làm lành (Cho một thầy Bà-la-môn nghe)	25
• Phật giải về sự xét lỗi mình	25
• Chuyện đức A-la-hán-Na-Tiên với vua Mi-Lan-Đà.....	26
• Phật giải về Tứ diệu đế.....	27
• Phật giải về cái thú.....	27
• Phật giải về cái ý.....	28
• Phật giải về cái ái.....	28
• Phật giải về cái tham.....	28
• Phật giải về cái vô ngã	29
• Trong kinh Phật diệt độ, Đế Thích có nói như vậy:.....	30
• Phật giải về lục căn	30
• Phật giải về cái vô tướng.....	31
• Thức và danh sắc.....	31
• Phật giải cho một thầy Bà-la-môn nghe (Dịch theo kinh Majjhima Nikaya).....	31
• Phật giải về cái thân trước	32
• Phật giải về cái khổ.....	32
• Phật giải về sự dứt bỏ.....	32
• Phật giải về cái vô ngã	32
• Toát yếu	33
• Niết-bàn	35
• Lời dặn.....	35
PHẬT NGÔN.....	36
• Dhammapada Khuddakanikāya.....	36
• Sagāthavagga saṃyuttanikāya	37
• Uddhāna khuddakanikāya	37
• Suttanipāta khuddakanikāya.....	37
• Suttamanta (pakavatta).....	37
• Mahāvibhaṅga vinayapitaka	38
• Maṅgalatthadīpani	38
• Temiyajāṭaka	38
• Aṭṭhakanipāta jātaka.....	38
• Aṭṭhakanipāta aṅguttaranikāya	38

• <i>Sattakanipāta jāṭaka</i>	38
• <i>Ekanipāta jāṭaka</i>	38
• <i>Uparipaṇṇāsaka majjhimanikāya</i>	38
• <i>Dukkanipāta jāṭaka</i>	39
• <i>Mahāvagga dīghanikāya</i>	39
• <i>Mahāpariibbānasūtra dīghanikāya mahāvagga</i>	39
• <i>Sattakanipāta anguttatanikāya</i>	39
• <i>Dasakanipāta anguttaranikāya</i>	39
• <i>Ekadasakanipāta anguttaranikāya</i>	39
• <i>Pañcakanipāta anguttarakāyā</i>	40
• <i>Chakkanipāta jāṭaka</i>	40
• <i>Navakanipāta jāṭaka</i>	40
• <i>Pakinnaka subhāsita</i>	40
NỀN TẢNG PHẬT GIÁO GÓP NHẬP NHƯ SAU	41

PHẬT GIÁO LƯỢC LUẬN

Quyển kinh này, trích ở các chơn kinh phiên dịch ra, kể từ Thái tử Sĩ-Đạt-Ta xuất gia tu hành, cho đến khi Ngài đắc quả Phật hiệu là Thích-Ca-Mâu-Ni, rồi Ngài trở về mở đạo, thuyết pháp 45 năm, dạy chúng sanh tu hành vô số kể.

Diệu lý của Phật gồm trong Tứ Diệu Đế, nên Phật Thích Ca có giải như vầy:

- 1) Đây là cái khổ, cái khổ này ta phải hiểu, ta đã hiểu rồi.
- 2) Đây là nguồn cội cái khổ, nguồn cội cái khổ này ta phải diệt, ta đã diệt rồi.
- 3) Đây là cái lòng ham muốn, diệt cái lòng ham muốn này, ta phải dứt, ta đã dứt rồi.
 - a. Đây là con đường đi, để diệt cái lòng ham muốn, con đường đi để diệt cái lòng ham muốn ấy ta phải hành, ta đã hành rồi, nên ta mới thành Phật.

Trong mỗi đề, Ngài đã dạy phân minh. Đề nào Ngài cũng đã cùng cứu nên Ngài mới được chứng quả.

Phật lại có giải rằng: “Này các thầy tỳ-khuru! Có một người kia đang đi vào vào rừng gặp một con đàng mồn, người theo con đàng mồn ấy thấy một nơi có cả thành thị, mà đã hư nát; người mới thàm nghĩ: để ta về tâu đức vua để tu bổ lại. Thật vậy, người về tâu, vua nghe theo, bèn chinh đồn nơi ấy lại trở nên nguy nga đẹp đẽ”. “Này các thầy tỳ-khuru! Cũng như Như Lai đã tìm được một con đàng, nhờ đó nên Như Lai mới được thành Phật, mà chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng nhờ con đàng ấy mà chứng quả. Vậy, nay Như Lai đem ra chỉ cho chúng sanh đặng biết, nếu ai muốn thành Phật thì cứ noi theo con đàng ấy mà đi, bằng không Như Lai cũng chẳng biết làm sao. Các thầy tỳ-khuru này! Con đàng ấy tức là đạo Bát Chánh vậy”.

Vậy mình hãy suy xét lấy.

Làm Phật ai cũng muốn nhưng biết muốn là không chịu noi theo con đàng Phật đã chỉ cho, chẳng khác nào mình biết đói, khi thấy cơm mà không chịu ăn biết bao giờ mới no được.

Lời tục thường nói: “Lánh tục tầm tiên”. Còn mình muốn tầm tiên, mà không chịu lánh tục, thì tìm sao cho được. Trần tục là bụi nhơ mà đêm ngày mình vẫn sa mê theo nó, ắt mình bị vướng nhơ, vướng nhơ tất phải mê muội, nếu đã mê muội chắc phải luân hồi.

Có nhiều người ít suy xét cho kỹ hai câu Nho rằng:

“Dục tu tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo”

“Nhơn đạo bất tu, tiên đạo viễn hĩ”.

Xin giải: Thích có Tam quy, đối với Nho có Tam hứ: quy y Phật... đối với Nho... hứy thiên; quy y Pháp... hứy thánh nhân; quy y Tăng... hứy thánh nhơn chi ngôn. Ngũ giới... ngũ thường: bất sát sanh... nhơn; bất du đạo... nghĩa; bất tà dâm... lễ; bất ả tửu... trí; bất vọng ngữ... tín.

Dường ấy, mình suy đi xét lại, coi có khác nhau đâu, nào phải tu Phật đạo mà bỏ Nhơn đạo sao? Theo Thích, tu Phật đạo mà hàm xúc cả nhơn đạo nữa, có phải là: nhất cử lưỡng tiện chăng? Chớ nói để làm người cho trọn, thì biết bao giờ mới được vẹn, lật bật cái chết nó đến, rồi ăn năn sao kịp. Trong sách Nho có nói rằng:

Vạn kiếp thiên sanh đắc cá nhơn

Tu tri tiên thế, chường lai nhơn

Thử thân bất hướng kim sanh độ

Cánh hướng hà thời độ thử thân.

Thích nôm:

*Muôn kiếp ngàn sanh đặng phẩm người
Cho hay đời trước giống gieo tơi
Mình này chẳng tới đời này độ
Còn đợi buổi nào độ lấy người.*

Vậy tại sao? Tại, con người linh hơn muôn vật, nhờ có trí bát nhã, tức trí huệ mới có phân biệt phải quấy, bỏ tà theo chánh, lánh dữ làm lành, thành Phật nên tổ đặng. Bằng không có trí tuệ dường như kẻ dại, khờ, mờ, điếc, hắc bạch nan phân, làm sao mà tu hành được.

Tu là gì? Tu là sửa lòng, bỏ tà theo chánh, lánh giả tìm chơn. Giả là: “Thế sự vạn ban đô thị giả”. Chơn là: “Thiên địa hoại Niết-bàn bất hoại”.

Tu phải lấy chi làm căn bản? Phải quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quy y Phật là: kính tin theo lời Phật, học theo tánh Phật là từ, bi, hỷ, xả. Quy y Pháp là: thực hành theo kinh, luật, luận của Phật đã giáo truyền, nhưng mình phải nhớ, Phật có dạy A-Nan-Đa Tôn giả rằng: “A-Nan-Đa này! Khi Như Lai diệt độ rồi, người chớ nên tưởng, không còn ai là thầy của các người nữa. Tuy Như Lai nhập Niết-bàn nhưng Như Lai còn để Pháp lại, Pháp ấy tức là thầy của các người đó. Nhưng các người phải nhớ lời Như Lai dạy: Dầu ngày sau, có ai nói rằng: Ta có nghe Phật giảng dạy cách này, hoặc cách kia, người cũng khoan tin vội, mà cũng đừng bỏ vội. Nghe rồi hợp phải xét lại nếu đúng theo chơn lý, ấy là lời của Như Lai giáo hóa, bằng không là lời bịa đặt, các người phải dè dặt lấy.” Quy y Tăng là: Phải mặc theo Phật, giữ giới luật cho chín chắn, tu hành theo con đường của Phật tổ Thích Ca đã giáo truyền.

Vậy, nay được sớm thức tỉnh biết tu là cội phước, mình tu, cũng khuyên cha mẹ, vợ con, bạn bè cùng tu theo. Bằng thân quyến chưa chịu, mình phải ráng chí tu, khi đã thành công trở về độ cho phụ mẫu, thân nhi, hoàn viên phước quả rồi thì được an vui đời đời kiếp kiếp. Đường ấy đối với cha mẹ mới thật là người đại hiếu, với vợ con mới gọi là chỗ thâm tình cho.

- Song để gì mà tu cho thành Phật!
- Thật không dễ gì, nhưng có chí thì nên. Phật có nói: tu đắc, bất tu bất đắc, nghĩa là: tu thì thành, không tu không thành. Mình tu theo đạo Phật phải tin theo lời Phật. Ngài là đấng Chí Tôn nói đâu có đó. Mình phải quyết chí tu cho tới cùng (nhất tâm bất nhị, chí tử bất thoái) rồi sẽ rõ. Chớ chưa tu mà sợ không thành, nói như vậy đâu phải gọi là người tu Phật.
- Nếu nói tu không thành sao lại có Phật?
- Mình sánh với Phật sao được?
- Sao lại không được, Phật trước kia cũng có cha mẹ, vợ con như mình, vì Ngài xuất gia tu hành nên mới được thành Phật. Chớ nay, mình mới tu, mà muốn thành như Ngài vậy sao được?
- Sao biết rằng mình nay mới tu? Nếu kiếp trước mình không tu sao nay được làm người, đã làm người, có đủ ngũ quan lại còn thêm gặp Phật Pháp nữa. Đó là bằng cứ rõ ràng cho biết rằng trước kia mình đã có tu nhiều kiếp rồi vậy.
- Vậy, tại sao chưa nghe nói có người tu thành Phật?
- Là tại mình không tu theo Phật tổ Thích Ca, khi còn làm Thái tử Sĩ-Đạt-Ta, Ngài bỏ ngôi, trốn cha, lánh vợ, lìa con vào non Tuyết Lãnh tu khổ hạnh sáu năm, chịu những màn trời chiếu đất, hành khát xin ăn. Nhờ đó, Ngài tìm được cái đạo Chánh Giác. Còn như mình,

ngày chí đêm cứ chen lẫn theo vòng trần tục, ảo mộng đảo điên, chẳng hề tỉnh ngộ, có tu đâu mà thành Phật.

Tại nơi cảnh trần là bụi nhơ mà mình phải vương lầy, là lẽ tự nhiên, nếu chẳng lánh bụi nhơ mà muốn trong sạch, không sao được trong sạch.

Tây có nói: “Il ne saurait y avoir des lotus au milieu du feu, ni de dhayana au sein des plaisirs”. Nghĩa là: không thể nào có Bạch Liên ở giữa lửa, cũng không thể nào có Đại định ở giữa chốn dục tình. Cũng như mình mê sa theo thế tục, ngày chí đêm cứ toan tính việc giàu sang, túi tham không đáy, nên mình phải mắc chôn tới tằm mờ ám. Nếu mình phải sạch nợ thế, để cho tâm an tịnh, lâu ngày tâm được sáng suốt, tức là được minh tâm kiến tánh, là thành Phật vậy.

Tu có phải tụng kinh niệm Phật không? Trước cũng phải tụng kinh hoặc xem kinh cho thông nghĩa lý trong kinh mà hành, nhưng thành hay không là tại cái sở hành, chẳng phải nhờ tụng không mà gọi là đủ.

Trong Minh Tâm có mấy câu như vậy, mình nên suy ngẫm, lưu ý đến:

Lễ Phật giả, kính Phật chi đức

Nghĩa là: *Lạy Phật ấy, kính đức của Phật*

Niệm Phật giả, cảm Phật chi ân

Tưởng Phật ấy, cảm ơn của Phật

Khán kinh giả, minh Phật chi lý

Xem kinh ấy, cho rõ lẽ của Phật

Tọa thiền giả, đặng Phật chi cảnh.

Ngồi thiền ấy, đặng lên cõi Phật

Kinh chú bốn Từ Bi, oan kết như hà cứu, nghĩa là: lời kinh, chú vốn dạy hiền lành, còn điều oan kết đường nào cứu đặng.

Kinh Kim Cang có nói:

Nghĩa là:

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Bằng dùng sắc tướng mà thấy ta

Dĩ âm minh cầu ngã

Dùng tiếng tằm mà tìm ta

Thị nhơn hành tà đạo

Người đó là làm đạo tà

Bất năng kiến Như Lai.

Không khi nào thấy ta được.

Vậy mà mình cũng cứ ham mê theo sắc tướng, âm thanh. Tu hành như vậy có phải nghịch hẳn với đạo lý của Phật Thích Ca chăng, tức bất năng kiến Như Lai, nghĩa là không khi nào được chứng quả Phật là vậy.

Phần đông cứ lo làm cho có của cải, quên rằng hễ được giàu sang thì sanh lòng kiêu hãnh, tật đố, làm tướng cho mình là hay, giỏi, khôn lanh hơn người, những kẻ yếu thế hơn, ít ai dám làm nghịch ý mình, dầu phải dầu quấy họ cũng đành lòng chịu ép, làm cho mình tự tôn, tự trọng, nói càng, làm bướng, không còn biết kiêng nể ai. Vì thế mình tạo nghiệp nhân càng dày, biết bao giờ mới trả rồi nợ thế, nợ thế chưa xong mong gì thoát ly khổ ải.

Bằng nói, làm để lại cho con cháu, thì mình nên nhớ trong sách có nói rằng:

Uống tác thiên niên kế

Nghĩa là: *Uống làm kế ngàn năm*

Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước.

Con cháu vẫn có phước con cháu.

Phước ai nẩy gặp, nợ ai nẩy mang, chẳng có một ai làm thế cho ai được. Nhưng nay có dư tiền bạc, mình nên bỏ ra cứu giúp kẻ cơ hàn tật bệnh, in kinh, khuyến thiện, trai tăng, bố thí cho các bậc tu hành chơn chính. Đã nhiều kiếp luân hồi, chúng sanh cũng từng làm cha mẹ bà con nhau, nay tuy đối với mình là người dung kẻ lạ, nhưng mình cũng phải tương tới mấy kiếp trước kia mà hết lòng bác ái để cứu vớt nhau mới phải.

Xin chư thiện nam, tín nữ hãy suy xét cho cùng. Con người, đến khi mạng chung rồi, chẳng đem một vật chi theo mình được. Chỉ có tội và phước, nó theo mình như bóng tùy hình. Vậy lúc mình còn sinh tiền nêu mau mau tỉnh ngộ, tu hành vì cái chết nó đến không chừng rủi nó đến sớm, ăn năn rất muộn.

Tôi nay là người đang học Phật, thấy có điều hữu ích nên đem ra tỏ bày, để nhắc nhở bà con, chẳng nệ tài hèn đức kém, nếu có sai lầm, xin nhờ các bậc thiện trí thức hảo tâm chỉ bảo cho, ân ấy rất nên thậm trọng.

Thi rằng:

ĐUỜNG đời lắm nổi, cuộc bi ai
THẾ sự khác gì, chốn gốc gai
MỊT mật hơi sâu, vòng các tía
MÙ mù gió thảm, chốn cân đai
TRẮM lo ngàn liệu, gây oan trái
NẮM mỗi tháng mòn vương nguyệt tai
ĐẦY đủ phước hồng, rồi cũng bỏ
TỘI trường oan báo, khổ liền tay.

CỬA Phật thánng ngày chẳng thảm, ai
THIÊN môn nào phải chốn chông gai
THANH sơn đâu quản, khánh cùng tướng
TỊNH thất nào hay, mảo với đai
MUÔN thuở an vui, hành Bát Chánh
KIỆP trần thông thả, lánh tam tai
NÊN chẳng hơi khác, công hầu gẫm
DUYÊN kết Niết-bàn, được rảnh tai.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

TU CÁCH NÀO MÀ ĐƯỢC CHỨNG QUẢ NIẾT-BÀN

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi đã thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, đi thuyết Pháp trong 45 năm để tế độ chúng sanh. Ngài dạy đủ tám muôn bốn ngàn pháp môn nhưng nói tóm lại cho dễ hiểu là Ngài dạy tu tam học là giới, định, tuệ để trừ tam độc là tham, sân, si; tam học viên mãn thì tam độc được tiêu trừ, tam độc diệt thì chứng quả bồ-đề. Tu giới luật trừ sân hận. Tu thiền định trừ tham lam. Tu trí huệ trừ si mê.

• Tu giới là

Phải trì ngũ giới, bát quan trai giới, thập giới, sa di giới, tỳ-khưu giới (xin xem quyển Luật tu tại gia và quyển Luật tu xuất gia đã dịch).

Đức Thế Tôn trước khi nhập Niết-bàn có nói với ông Ưu-Ba-Ly và ông A-Nan-Đa rằng: sau khi Như Lai diệt độ, các người phải lấy Pháp luật làm thầy. (Xin xem sự quả báo trong sự trì giới, đã có giải trong quyển Luật tu xuất gia). Vậy, ta là người tu Phật chẳng nên quên lời của Phật đã di giáo.

Tôi xin giải quyết rằng: nếu tu Phật mà không trì giới, thì không gọi là người tu Phật vậy. Giới luật là nền tảng mỗi đạo, có Giới luật Tam-nghiệp mới thanh tịnh, Tam nghiệp thanh tịnh thì mới có sanh Định, có Định mới phát Tuệ.

Nếu muốn tu, trước phải trì giới, giới được chín chắn, đạo mới vững bền. Cũng như muốn cất nhà tốt trước hết phải đắp nền cho chắc (dục khởi mĩ ốc, tiên trúc kỳ cơ). Chớ đức chẳng tốt, chỗ chí đạo chẳng bền (cầu bất chi đức, chí đạo bất ngưng diên). Giới luật để rèn lòng sửa nét cho được trong sạch, công đức đầy đủ, lo chi đạo quả chẳng thành.

• Tu định là

Phải tìm ở trong nơi thanh vắng hành theo 40 phép thiền định. Vì sao phải ở nơi thanh vắng? Vì trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc) là bụi nhơ, nếu ở giữa bụi nhơ ắt phải lấm nhơ, là không trong sạch, thì khó thông chơn lý, chơn lý không thông, lấy đâu mà thành đạo quả.

Con người ở giữa trần chẳng khác nước ở giữa gió; nước bị gió, nước phải xao động, xao động thì phải đục, đã đục thì xem trong nước nào có thấy vật gì tỏ rõ. Cũng như con người ở giữa trần, ngày chí đêm ngũ căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) hằng duyên theo ngũ

trần, tâm phải điên đảo, nếu điên đảo thì phải tối tăm, tối tăm ắt làm lạc mà đã làm lạc thì phải bị trầm luân đời đời kiếp kiếp trong vòng lục đạo.

Nhưng, nếu ở non cao rừng vắng hằng tháng, hằng năm thì tập khí lại ần sâu, cũng không sao diệt trừ. Xưa kia Đức Phật cùng chư vị đại tỳ-khưu cùng nương theo rừng núi (trừ ra trong ba tháng mưa) các ngài mới trú ngụ nơi tịnh xá. Ban mai đi trì bình khát thực, chinh xé đi thuyết pháp độ sanh, tối lại ngụ nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

Ban ngày, khát thực hoặc đi thuyết pháp, ấy là ĐỘNG, ban đêm ở nơi trong rừng vắng, cội cây, thanh vắng để tham thiền, ấy là TỊNH. Cho nên tu Phật phải có ĐỘNG mà cũng phải có TỊNH, động tịnh điều hòa tức là lý trung đạo vậy.

Có tịnh mới phát Tuệ, có Tuệ mới rõ thông chơn lý là thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc đều là vô thường, khổ não, vô ngã rồi mới không nhiễm trần, không nhiễm trần mới có giải thoát, có giải thoát mới có bất sanh, bất diệt là được tiêu diêu tự tại vậy.

Trong luật có bài kệ rằng:

Tăng trụ thành hoàng Phật tổ ha

Tiên hiền đô thị ần nham a

Sơn tiền thủy xuất nhơn gian khí

Thanh thủy y nhiên thành trược ba.

40 phép tham thiền là:

- 10 phép Kasina: dùng đất, nước, lửa, gió, màu xanh, đỏ, vàng, trắng, lỗ trống tròn, hư không mà trầm tư.
- 10 phép Anussati: niệm ân Đức Phật, Pháp, Tăng, Giới, Bồ thí, Chư Thiên, Niết-bàn, sự chết, thân trược, hơi thở.
- 4 phép Appamañña: dùng Tứ vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả mà nguyện vọng cho tất cả chúng sanh được hòa thuận yên vui lâu dài.
- 1 phép Āhārapaṭikulasañña: quán tưởng vật thực cho thấy rõ là vật đáng ghê gớm.
- 1 phép Dhātuvavaṭṭhāna: quán tưởng thân tứ đại cho thấy rõ là đất, nước, gió, lửa.
- 4 phép Arūpa: mặc tưởng Không vô biên thiên, Thức vô biên thiên, Vô sở hữu thiên, Phi phi tướng thiên.

Nếu tham thiền nhập đại định được thì đắc ngũ thông và nương theo cái tâm thanh tịnh ấy mà tu huệ thì đắc đạo quả Niết-bàn.

• Tu huệ là

Phải quán tưởng cho thấu chơn lý, có 10 phép:

- 1) Sammasanañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng ngũ uẩn theo lý vô thường, khổ não, vô ngã.
- 2) Udayabbayañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cái pháp sanh, diệt của ngũ uẩn.
- 3) Bhaṅgañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cái phép phân tán của ngũ uẩn.
- 4) Bhayañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cho thấy ngũ uẩn là đáng ghê sợ, như người sợ thú dữ (như sợ sư tử).
- 5) Ādinavañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cho thấy rõ tội lỗi của ngũ uẩn, như người thấy nhà bị lửa cháy toan tìm đường để thoát ra cho khỏi.
- 6) Nibbidāñāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cho phát sanh lòng chán ngán ngũ uẩn.
- 7) Muñcitukamyatañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng cho tâm muốn tránh khỏi ngũ uẩn, như cá muốn tránh khỏi chỗ khô ráo, như kẻ tù muốn lìa khỏi ngục hình gông xiềng.
- 8) Paṭisaṅkhānupassanañāṇa: dùng trí tuệ quán tưởng tìm dịp để thoát cho khỏi ngũ uẩn.
- 9) Saṅkhārūpekkhāñāṇa: dùng trí tuệ không chấp trước ngũ uẩn, là không vui, không buồn, như người đã xa hẳn vợ, chẳng còn quyến luyến nữa.

10) Anulomañāṇa: trí tuệ, chỉ một lòng bất thối, thực hành theo con đường đi của các bậc Thánh hơn.

Nếu đã dùng trí tuệ quán tưởng đạt thấu chơn lý 10 phép kể trên, sẽ được thông suốt nguyên nhân ba cái tướng như sau: Sabbe saṅkhārā aniccā: trí tuệ thấy các tập hợp (sắc tướng) đều là vô thường. Sabbe saṅkhārā dukkhā: trí tuệ thấy các tập hợp (sắc tướng) đều là khổ não. Sabbe saṅkhārā anattā: trí tuệ thấy các pháp đều là vô ngã. Tu tam học viên mãn sẽ tận diệt được 10 sợi dây chướng ngại (sanyojaṇa) là: thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā), giới cấm thủ (sīlabbattaparāmāsa), tình dục (kāmarāga), bất bình (paṭighā), sắc dục (rūparāga), vô sắc dục (arūparāga), tự phụ (māna), phóng vật (uddhacca), vô minh (avijjā).

Đoạn tuyệt chướng ngại thì được giải thoát (vimutti) tức là chứng quả Niết-bàn (Nibbāna hay là Nirvāna)¹ là bậc siêu xuất tam giới, bất sanh, bất diệt hưởng quả tiêu điều tự tại, yên vui đời đời kiếp kiếp.

• Giải về quả tứ thánh

Tu tam học một lòng bất thối, duyên phận đến kỳ, trước hết đắc quả Tu-đà-huờn, đoạn tuyệt ba sợi dây chướng ngại: thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā), giới cấm thủ (sīlabbattaparāmāsa). Bởi dứt ba cái tâm ác ấy nên không còn phải sa vào bốn ác đạo nữa (súc sanh, a tu la, ngạ quỷ, địa ngục) và chỉ còn đầu thai làm người trong 7,6,5,4,3,2,1 kiếp nữa sẽ đến Niết-bàn.

Bậc Tu-đà-huờn đắc quả Tư-đà-hàm (Sakidāgāmi) đoạn tuyệt ba sợi dây chướng ngại đã kể trên, giảm nhiều tình dục và lòng sân hận, chỉ còn đầu thai làm người một kiếp nữa sẽ đến Niết-bàn.

Bậc Tu-đà-huờn, tu thêm nữa đắc quả A-na-hàm (Anāgāmi) đoạn tuyệt tình dục, lòng uất ức, khi bỏ xác phàm đầu thai về cõi Trời tịnh sắc (Suddhavasābrahma) không còn phải thọ sanh về cõi trần nữa.

Bậc A-na-hàm, ở cõi trời tịnh sắc đắc quả A-la-hán đoạn tuyệt cả mười sợi dây chướng ngại, cao thượng hơn tất cả chúng sanh trong tam giới, thoát khỏi sanh tử luân hồi và sẽ nhập Niết-bàn như Đức Thế Tôn vậy.

Nếu ở tại thế mà tu chứng quả A-la-hán, khi đến ngày cùng cũng diệt độ như Đức Thế Tôn vậy.

Vậy, ai làm người tu Phật phải nương theo Tam bảo là phải tu học cho thông lẽ Tam bảo, phải hành theo Tam bảo, là phép tam học, ắt sẽ được giải thoát, chẳng sai, bằng không nương theo tam học thì không chứng quả Niết-bàn được.

• Giải về: phần pháp tiếp dẫn và tế độ chúng sanh nên quả bồ đề (varabodhipakkhiyadhammasaṅgaho)

Vara: nghĩa là quý báu. Rodhi: nghĩa là giác. Pakhiya: nghĩa là phần. Dhamma: nghĩa là pháp, là con đường tiếp dẫn chúng sanh. Saṅgaho: nghĩa là tế độ. Varabodhipakkhiyadhammasaṅgaho: nghĩa là phần pháp quý báu tế độ và tiếp dẫn chúng sanh nên quả Bồ-đề.

37 pháp ấy chia ra làm bảy phần: satipaṭṭhāṇa: bốn pháp niệm (tứ niệm xứ), sammappadhāna: bốn pháp chánh tinh tấn (tứ chánh cần), iddhipāda: tứ như ý túc, indriya:

¹ Nibbāna hay nivāna; nib, nir: nghĩa là tắt hay là ra khỏi; bāna, vāna: nghĩa là phiền não hay là tam giới. Nibbāna, nirvāna: nghĩa là tắt lửa phiền não hay là ra khỏi tam giới hoặc là dứt lòng ham muốn.

năm căn, bala: năm lực, bojjaṅga: bảy nhân sanh quả bồ-đề, atthaṅgikamagga: bát chánh đạo.

1. Satipaṭṭhāṇa (Tứ niệm xứ):

- Kayānupassanāsatiṭṭhāṇaṃ: niệm thân là lấy sự ghi nhớ đem trí tuệ tham cứu thường thường cho thấy rõ cái thân hình là nơi hội hiệp 32 thể là: tóc (kesā), lông (lomā), móng (nakhā), răng (dantā), da (taco), thịt (maṃsa), gân (nhārū), xương (aṭṭhi), tủy (atthiminjāṃ), trái thận (vakkāṃ), tim (hadayaṃ), gan (yakanāṃ), màng bao ruột (kilomakāṃ (pihakāṃ), lá lách (pihattāṃ), phổi (papphassaṃ), ruột già (antaṃ), ruột non (antagunaṃ), vật thực mới (kariyaṃ), vật thực cũ (karisaṃ), óc (mattaluṅgaṃ), mật (pittaṃ), đờm (semhaṃ), mũi (pubbo), máu (lohitaṃ), mỡ đặc (medo), mồ hôi (sedo), nước mắt (assa), dầu da (vasa), nước miếng (khelo), nước mũi (singhānikā), nhớt (lasikā), nước tiểu (muttaṃ) đều là vô thường (aniccaṃ), khổ não (dukkhaṃ), vô ngã (anattā).

- Vedanānupassanāsatiṭṭhāṇaṃ: niệm thọ là dùng trí nhớ đem trí tuệ tham cứu cho thấy rõ ba cái thọ: thọ khổ, thọ lạc, thọ vô khổ vô lạc đều là vô thường, khổ não, vô ngã.

- Cittānupassanāsatiṭṭhāṇa: niệm tâm là dùng trí tuệ tham cứu cho thấy rõ cái tâm ác, tâm thiện là vô thường.

- Dhammānupassanāsatiṭṭhāṇa: niệm pháp là dùng trí tuệ tham cứu cho thấy rõ cái lành, cái dữ đều là vô ngã.

2. Samappadhāna (Tứ chánh cần):

- Anupannānaṃ pāpakanāṃ akusalanaṃ dhammānaṃ anuppayavāyāmo: ráng sức ngăn ngừa sự dữ chưa đến.

- Uppannānaṃ pāpakanāṃ akusalanaṃ dhammānaṃ pahāyavāyāmo: ráng sức dứt bỏ sự dữ đã có.

- Anuppannānaṃ kusalanāṃ dhammanāṃ uppadāyavāyāmo: ráng sức tìm làm những việc lành chưa từng làm.

- Uppannānaṃ kusalanāṃ dhammānaṃ kiyvokavayavāyāmo: ráng sức làm những việc lành đã có cho càng có thêm.

3. Iddhipāda (Tứ như ý túc):

- Chanddhipādo: lòng mong mỏi trong các việc lành.

- Viriyiddhipādo: tinh tấn, mong tới trong các việc lành.

- Cittiddhipādo: tâm lực, là lòng suy tính chỉ tìm làm những việc lành.

- Vimāṃsiddhipādo: dùng trí tuệ tham cứu cho thấy rõ các việc khổ trong sự luân hồi và gắng làm những việc lành.

4. Inidriya (Năm căn)

- Saddhindriyaṃ: tín căn, là cội tin ân đức Tam bảo để diệt trừ các sự dữ trong lòng.

- Viriyindriyaṃ: tấn căn, là cội tinh tấn để diệt trừ lòng giải đãi, hành đạo, ngõ hầu đoạn tuyệt các hung dữ.

- Satindriyaṃ: niệm căn, là trí nhớ để diệt trừ lòng dễ dãi.

- Samādhindriyaṃ: định căn, là cội chánh định để diệt trừ tâm buông thả.

- Paññindriyaṃ: tuệ căn, là cội trí tuệ để diệt trừ vô minh, tà kiến.

5. Bala (năm lực)

- Saddhābalaṃ: tín lực, là đức tin mạnh trong các việc lành, để diệt trừ lòng mê tín.
- Viriyabalaṃ: tấn lực, là tinh tấn mạnh để diệt trừ sự lười biếng.
- Satibalaṃ: niệm lực, là trí nhớ mạnh để diệt trừ sự dễ dãi.
- Samādhibalaṃ: định lực, là sức định mạnh để diệt trừ lòng xao lãng.
- Pañābalaṃ: tuệ lực, là sức trí tuệ mạnh để diệt trừ vô minh, ái dục.

6. Bojjhanga (Bảy nhân sanh quả Bồ-đề)

- Satisambojjhaṅga: niệm, là sự ghi nhớ để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Dhammāvisayasambojjhaṅga: tuệ, là dùng trí tuệ để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Viriyasambojjhaṅga: tấn, là dùng sự tinh tấn để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Patisambojjhaṅga: hỷ, là tâm vui mừng phát sanh ra trong giờ tham thiền để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Passaddhisambojjhaṅga: tịnh, là thân tâm yên lặng để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Samādhisambojjhaṅga: định, là một lòng, chẳng loạn để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế.
- Upekkhāsambojjhaṅga: xả, là tâm ở bậc trung không thương, không ghét, không mừng, không vui và để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã, cho thấu lý Tứ Diệu Đế, là con đường đi đến Niết-bàn.

7. Atthangikamagga (Tám chánh đạo)

- Sammāditthi: Chánh kiến, là trí tuệ hằng tưởng nhớ Niết-bàn, thấu rõ lẽ Tứ-đế (khổ, tập, diệt, đạo) và chỉ nương theo Bát Chánh Đạo mà tu hành để diệt trừ vô minh, ái dục.
- Sammāsankappo: Chánh tư duy, là trí tuệ suy cứu về việc lành, tu hành phép bố thí, trì giới, tham thiền hoặc tìm cách trừ diệt sân hận, hoặc dùng tâm từ bi nguyện vọng cho tất cả chúng sanh đều được yên vui lâu dài.
- Sammāvācā: Chánh ngữ, là nói những lời chơn chánh: không nói dối, nói những lời đậm thọc, chửi rủa, lời vô ích.
- Sammākammanto: Chánh nghiệp, là làm những công việc chơn chánh (bất sát sanh, bất trộm đạo, bất tà dâm).
- Sammājīvo: Chánh mạng, là nuôi mạng chơn chánh (xem quyển Luật tu xuất gia chương 137-138 và Luật tu tại gia chương 29).
- Sammāvāyāmo: Chánh tinh tấn, là chỉ một lòng tu hành tiến lên: bỏ sự ác đã có, ngừa sự ác chưa có, tìm làm lành chưa từng làm, lành đã có ráng gìn giữ và làm thêm.
- Sammāsati: Chánh niệm, là trí nhớ chơn chánh (hằng ghi nhớ đến 4 pháp satipaṭṭhāna). Kayanupassanāsatiipaṭṭhāna: Trí hằng ghi nhớ đến sắc uẩn, suy tưởng nó là vô thường, khổ não, vô ngã. Vedānupassanāsatiipaṭṭhāna: Trí hằng ghi nhớ đến thọ uẩn, suy tưởng nó là vô thường, khổ não, vô ngã. Cittanupassanāsatiipaṭṭhāna: Trí hằng ghi nhớ đến thức uẩn, suy tưởng nó là vô thường, khổ não, vô ngã. Dhammānupassanāsatiipaṭṭhāna: Trí hằng ghi nhớ trong tưởng uẩn và hành uẩn, suy tưởng nó là vô thường, khổ não, vô ngã.
- Sammāsamādhi: Chánh định, là một lòng thanh tịnh, xa lánh tình dục, nhập sơ định, nhị định, tam định, tứ định hoặc ngũ định.

Trong khi nhập định thì nhứt tâm in khẩn vào phép thiền định, một lòng chẳng loạn, là không vọng theo trần cảnh. Định là thiện căn, muôn sự lành đều gom vào chỗ nhứt tâm. Xưa kia các bậc Thánh Nhơn cũng đều nhờ vào phép tham thiền nhập định mà được chứng quả Niết-bàn.

Bát Chánh Đạo chia ra làm ba phần: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc về phần giới; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thuộc về phần định; chánh kiến, chánh tư duy thuộc về phần tuệ cho nên người tu Bát Chánh Đạo cũng gọi là tu tam học vậy.

• **Lược giải về sự tích của Đại đức Aññatakondañña²**

Một thuở nọ, Đại Đức Aññatakondañña nghe pháp được chứng quả Tu-đà-huờn thì Bát Chánh Đạo đều phát sanh theo quả Tu-đà-huờn như sau này:

1) Chánh kiến: khi nghe pháp Ngài thấy Tứ diệu đế rất phân minh như vậy:

Ngài thấu rõ Khổ đế (Dukkha ariyasacca) là các điều khổ mà tất cả chúng sanh phải mang hằng ngày đây, do ở ngũ uẩn. Có ngũ uẩn là có sanh, có già, có đau, có chết đều là khổ. Ngài thấu rõ tập Tập đế (Samudaya ariyasacca) là lòng ham muốn (taṇhā) là nguyên nhân sanh ra ngũ uẩn. Ngài thấu rõ Diệt đế (Dukkhanirodha ariyasacca) là sự diệt trừ lòng ham muốn, tức là trừ dứt các việc khổ não. Ngài thấu rõ Bát Chánh Đạo (Atthaṅgikamagga), con đường tiếp dẫn chúng sanh đến bờ giải thoát.

2) Chánh tư duy: là ý suy nghĩ chơn chánh phát sanh thì ba cái tà tư duy (suy nghĩ về tình dục (kāma vitakka), suy nghĩ về mối giận, oán thù (byāpāda vitakka), suy nghĩ về sự làm hại người (vihinsā vitakka) diệt.

3) Chánh ngữ: phát sanh thì tà ngữ (nói dối, đâm thọc, chửi rủa, nói lời vô ích) diệt.

4) Chánh nghiệp: phát sanh thì tà nghiệp (sát sanh, trộm đạo, tà dâm) diệt.

5) Chánh tinh tấn: phát sanh thì tà tấn là không nương theo chánh tinh tấn (xem chương 11) diệt.

6) Chánh niệm: phát sanh xét rõ thấy sắc uẩn đều là trược, thọ uẩn là khổ, thức uẩn là vô thường, tưởng uẩn hành uẩn đều là vô ngã.

7) Chánh định: phát sanh tiếp dẫn 7 ngành đạo trên, nhất tâm bất loạn, một lòng chăm niệm Niết-bàn.

Chánh tư duy phụ trợ chánh kiến, ví như tay giúp tâm thức, khi người lựa bạc vàng phải dùng tay để cầm lấy bạc, vàng trở qua lật lại cho tâm thức ngắm xem, nhận biết tốt hay xấu. Cũng như chánh tư duy phụ trợ chánh kiến. Trước có suy xét rồi sau mới phân biệt, thấy rõ các pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã. Chánh tinh tấn, chánh niệm phụ trợ cho chánh định, ví như ba người bạn lành cùng nhau đi dạo chơi, xem thấy giữa một ao nước có bông hoa tươi tốt bèn sanh lòng muốn hái hoa ấy nhưng hoa ở trên cao, không bẻ được. Cùng nhau toan tính: một người thứ nhất khòm lưng cho người thứ nhì leo lên, rồi người thứ ba cũng lên lưng người thứ nhì, nhờ sự chung sức nhau mới bẻ hoa ấy được. Ví như chánh tinh tấn, chánh niệm phụ trợ cho chánh định để đạt quả Niết-bàn vậy.

Lại nữa, Bát Chánh Đạo nếu chia ra làm giác và hành thì chánh kiến, chánh tư duy là giác; còn chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là hành. Giác ví như cặp mắt sáng láng xem biết rõ rệt chỗ nên tránh, nơi nên đi: có đủ hai chân mạnh mẽ, có thể đi đứng vững vàng; tránh khỏi lệ làng, mấy nơi nào có sự nguy hiểm rủi ro. Cũng như người tu hành đủ Bát Chánh Đạo thì được thấy rõ các nguyên nhân sự kết quả, là làm như vậy ắt phải làm lạc, mang hại, phải nhàn như kia mới mong được sự kết quả mỹ mãn.

² Tàu âm là A-nhã Kiều Trần Như.

Thấy rõ như vậy, là nhờ cái giác: là chánh kiến, chánh tư duy, được đi đứng vững vàng, tránh xa sự rủi ro tai hại ấy nhờ cái hành: là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định là con đường chơn chánh, khỏi lo sợ các điều tai hại là con đường chỉ ngay đến Niết-bàn rất mau chóng. Cũng như người đi đường có đủ cả cặp mắt sáng láng và hai chân mạnh mẽ, ắt sẽ đi đến xứ sở mà mình đã nguyện vọng được mau lẹ y như bốn nguyện.

Cho nên Đức Thế Tôn có lời khen Bát Chánh Đạo rằng: Bát Chánh Đạo là con đường đi ngay đến Niết-bàn, tránh khỏi các sự rủi ro, tai hại.

- **Phật giảng lại hồi Ngài còn làm Bồ-tát, xuất gia tìm đạo (trích dịch trong Đại Tạng kinh thứ 26).**

Phật giảng cho các đệ tử nghe như vậy: Trước khi ta chưa sáng suốt hoàn toàn, các thầy tỷ-khuru này, là chưa chứng quả Phật, nhưng đã là một vị Bồ-tát còn phải chịu cái khổ, sanh, lão, bệnh, tử. Ta có suy xét tới cái khổ, sanh, lão, bệnh, tử như thế này:

Ta có nghĩ thêm rằng: tại sao ta nghĩ như vậy? Vì, nếu thấy rõ được mấy điều kể trên, ta sẽ tìm được cái thanh tịnh vô hạn của cảnh Niết-bàn, nơi đó mới tránh khỏi cái khổ, sanh, lão, bệnh, tử.

Chẳng bao lâu, ta trốn cha, xa vợ, lìa con vào rừng cạo tóc và râu, mặc y dàu, làm sãi du phương, nghịch hẳn với thân tộc ta. Một lòng tìm đạo, đi đến nơi thanh vắng, ta gặp vị Bà-la-môn tên A-La-Ra và Ưu-Đà-La. Ta có hỏi đạo nơi hai thầy và khi xét rõ đạo của hai thầy chưa được cứu cánh giải thoát, không vừa ý muốn, nên ta kiêu từ mà đi nơi khác.

Quyết lòng tìm nẻo cực lạc, ta trải qua xứ này thành nọ, có gặp một làng Uruvela. Gần đó có nơi thẳng cánh, cây lá sum sê mát mẻ, lại thêm có con sông nước trong muôn tằm. Chung quanh có xóm nhà dễ bề khát thực. Thấy vậy, các thầy tỷ-khuru này! Ta nghĩ thầm: chốn này có đủ sự cần ích cho người tầm đạo tu hành. Các thầy tỷ-khuru này! Như thế rất hợp lòng nên ta ở lại đó.

- **Phật giảng cho ông Aggivessana nghe (trích dịch trong Đại Tạng kinh thứ 36)**

Aggivessana này! Ta có nghĩ tới ba điều so sánh như sau mà trước kia ta chưa được biết. Aggivessana này! Có một người tính nhúm lửa bằng khúc củi ướt và dính bùn đang trôi dưới nước. Aggivessana này! Người tưởng thế nào, người ấy làm như vậy đó có thể được chăng?

- Bạch, không được.
- Tại sao vậy?
- Tại khúc củi đó ướt và dính bùn, đang trôi dưới nước dầu người ấy có ráng nhúm cho lắm cũng uổng công

Aggivessana này! Cũng như thầy Sa-môn hay Bà-la-môn còn làm nô lệ cho lòng ham muốn, ước ao sự vui sướng, mê sa theo tình dục, lửa lòng đang cháy chưa thể tắt được. Nếu các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy có cảm giác sự đau đớn, nhức nhối và khó chịu cũng không thể tìm được cái “giác và “đạo lý vô thượng”. Dầu các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không cảm giác sự đau đớn, nhức nhối và khó chịu cũng không tìm ra cái “giác” và “đạo lý vô thượng” được.

Aggivessana này! Bỗng nhiên trí ta nghĩ tới điều so sánh thứ nhì, mà trước kia ta chưa được biết. Aggivessana này! Có một người kia tính vớt khúc củi đang trôi dưới nước còn ướt và dính bùn, đem nhúm lửa cho có ánh sáng. Aggivessana này! Người tưởng thế nào, người ấy làm như vậy có thể được chăng?

- Bạch, không thể được.
- Tại sao vậy?
- Tại khúc củi ấy còn ướt và dính bùn mới vớt lên khỏi nước, dầu người ấy có ráng nhúm cho lấm cũng vô ích.

Aggivessana này! Cũng như thầy Sa-môn hay Bà-la-môn mới chế ngự được cái thân, nhưng lòng còn ham muốn, ước ao sự vui sướng, mê sa theo tình dục, lửa lòng đang cháy chưa tắt được. Nếu những thầy Sa-môn, Bà-la-môn ấy có cảm giác sự đau đớn, nhức nhối và khó chịu thì không thể tìm cái “giác” và “đạo lý vô thượng”. Dầu các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không có cảm giác sự đau đớn, nhức nhối và khó chịu cũng không tìm cái “giác” và “đạo lý vô thượng” được.

Aggivessana này! Thoạt vậy ta nghĩ tới điều sự so sánh thứ ba như vậy mà trước kia ta chưa được biết. Aggivessana này! Bỗng chốc trí ta nghĩ tới sự so sánh thứ ba như vậy. Aggivessana này! Có một người kia tính vớt khúc củi dưới nước lên đã khô và sạch sẽ tính đem nhúm lửa cho có ánh sáng. Aggivessana này! Người tưởng thế nào, người ấy làm như vậy có được chăng?

- Bạch, được.
- Tại sao vậy?
- Tại khúc củi đã khô ráo, sạch sẽ và đem lên khỏi nước.

Aggivessana này! Cũng như có những thầy Sa-môn hay Bà-la-môn không còn làm nô lệ cho cái thân, không còn ham muốn, ước ao sự vui sướng, sa mê theo tình dục, lửa lòng đã tắt và tâm được thanh tịnh. Nếu thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy có cảm giác sự đau đớn, nhức nhối và khó chịu, các thầy cũng tìm được cái “giác” và “đạo lý vô thượng”. Dầu các thầy không cảm giác đau đớn, nhức nhối và khó chịu, cũng tìm cái “giác” và “đạo lý vô thượng” được. Ba điều so sánh này trước kia ta chưa biết được, mà trí ta thình lình nghĩ như vậy.

Aggivessana này! Ta nghĩ, bây giờ nếu ta cắn răng, cuốn lưỡi lên ổ gà để dùng trí ngăn trị và kèm ý tưởng ta, coi thử thế nào? Nghĩ rồi ta bèn cắn răng, cuốn lưỡi lên ổ gà để dùng trí ngăn trị và kèm ý tưởng ta. Như vậy, mồ hôi chảy ra hai bên nách ta. Aggivessana này! Cũng như một người kia có sức lực mạnh bạo, nắm đầu hay hai vai một kẻ khác yếu hơn, có ý để ngăn trị và kèm người ấy. Aggivessana này! Cũng như ta cắn răng, cuốn lưỡi lên ổ gà, dùng trí ngăn trị và kèm ý tưởng ta vậy, đến nỗi mồ hôi chảy ra hai bên nách ta. Aggivessana này! Thật ta dùng hết sức, gom ý tưởng không để cho tâm vọng động. Nhưng thân thể ta không được yên ổn và rất khó chịu, vì ta ráng sức quá. Nhưng Aggivessana này! Sự cảm giác đau đớn đó không dính dấp tới ý tưởng ta.

Aggivessana này! Ta nghĩ bây giờ ta nín thở đặng nhập định coi thử thế nào? Aggivessana này! Rồi ta nín thở bằng miệng và mũi. Nín thở bằng mũi và miệng thì hơi thở ra nơi tai ta nghe tiếng kêu lạ thường dường như tiếng ống bễ của thợ rèn kêu vậy cũng vì ta nín thở bằng mũi và bằng miệng vậy. Thật vậy, Aggivessana này! Ta dùng hết sức lực không thôi chí, để định ý không cho nó vọng động. Nhưng thân ta không được yên ổn và rất khó chịu vì ta ráng quá sức. Aggivessana này! Sự cảm giác đau đớn đó không dính dấp tới ý tưởng ta cả.

Aggivessana này! Ta lại nghĩ, bây giờ ta định ý nhiều hơn nữa, xem thử thế nào? Aggivessana này! Ta nín thở bằng mũi miệng và tai, thì hơi thở thông lên đầu ta, đau nhức dường như có một người sức lực mạnh bạo dùng gươm nhọn ngoái đầu ta vậy. Aggivessana này! Ta dùng hết sức lực, không thôi chí để định ý không cho vọng tưởng, nhưng thân ta

không được yên ổn và rất khó chịu vì ta ráng sức quá lễ. Aggivessana này! Sự cảm giác đau đớn đó không dính vấp với ý tưởng ta.

Phật lặp đi lặp lại cách Ngài nhập định ba lần như vậy:

1. Sanh ra nhức đầu khó chịu... dường như có một người sức lực mạnh bạo dùng miếng da dày đánh lên đầu ta vậy.

2. Sanh ra nhức đầu khó chịu... dường như có một người thợ cạo heo dùng con dao bén chặt bao tử ta vậy.

3. Sanh ra cả châu thân nóng như lửa đốt... dường như có hai người sức lực mạnh bạo một người nắm một cánh tay của kẻ khác yếu hơn, vật ngã và quăng xuống hầm lửa vậy.

Vì thế, Aggivessana này! Có vị Trời thấy như vậy bèn nói rằng thầy Gotama đã chết. Vị khác nói thầy Gotama chưa chết nhưng ngất ngư. Vị khác nói thầy Gotama chưa chết mà cũng chẳng phải ngất ngư, Ngài là bậc A-la-hán, A-la-hán phải tham thiền như vậy đó.

Aggivessana này! Ta nghĩ, nếu ta bỏ ăn coi như thế nào? Aggivessana này! Các vị Trời lại gần ta và nói rằng: Ngài đừng ăn, nếu Ngài dứt ăn chúng tôi cho vật thực vào theo lỗ lông da Ngài. Như vậy, Aggivessana này! Ta nghĩ: nếu ta bỏ ăn thì các vị Trời cho cơm vào theo lỗ lông da ta, cũng như ta còn ăn, lẽ ra ta nói dối vậy.

Aggivessana này! Ta nghĩ, nếu ta giảm ăn, coi ra sao? Rồi đó lần hồi ta còn ăn mỗi ngày một vắt cơm bằng trái táo vậy.

Aggivessana này! Bởi dùng cơm ít quá nên thân ta lần lần trở nên ốm lả, tay, chân giống như cọng cỏ u du khô vậy, xương sống như râu chuối, xương sườn như rui nhà cũ, mặt thụt vô dường như ở dưới nước giếng sâu mà dòm thấy sao trên trời, da và đầu ta dường như trái bần rừng bị nắng khô héo vậy bởi ta ăn ít quá.

Aggivessana này! Khi rờ bụng, ta đụng nhằm xương sống ta, rờ xương sống, ta lại đụng nhằm bụng ta. Aggivessana này! Bụng ta như dính liền với xương sống vậy. Khi đi đại tiện, ta bị té sấp, thấy vậy, ta chà tay và chân cho có sức mạnh, chà tới đâu lông rụng tới đó. Cũng bởi ta ăn ít quá.

Aggivessana này! Ta nghĩ như vậy: đời trước đâu có các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn tu hành khổ hạnh thế nào cũng không hơn ta. Đời này hay đời sau cũng vậy. Nhưng Aggivessana này! Chẳng phải nhờ sự hành xác như thế mà được tấn hóa hơn người thường hay do đó mà ta tìm được đạo lý cao thượng đâu. Có lẽ còn cách nào khác nữa, để tìm cái đạo sáng suốt chớ? Nghĩ như vậy, Aggivessana này! Thành linh ta nhớ lại lúc còn nhỏ, có theo cha ta đi xem lễ cày ruộng mùa xuân theo phong tục trong xứ, ta thấy kẻ nông phu cày, loài trùng đế bị hại rất nhiều, trên có bầy chim lại ăn. Thấy vậy lòng rất bi ai, ta ngồi dưới gốc cây diêm phù tha thiền nhập định. Lúc đó chẳng còn biết tới việc thế gian là gì, dứt các tư tưởng xấu xa, nhưng còn suy nghĩ và lý đoán, ta nhập vào bậc sơ thiền nhờ sự vắng vẻ và an lạc.

Vậy, đây có phải là con đường đi để tìm sự sáng suốt hoàn toàn chăng?

Aggivessana này! Ta tin chắc rằng đó là con đường đi để tìm sự sáng suốt hoàn toàn. Nhưng ta không thể dùng cái thân gầy ốm này mà tìm sự an lạc như vậy được. Ta phải ăn cơm lại nghĩ rồi ta bèn ăn cơm.

Aggivessana này! Trước kia năm thầy Sa-môn theo ta, có nói với nhau rằng: bao giờ thầy Gotama đắc đạo, người sẽ cho chúng ta hay. Nhưng đến khi năm thầy thấy ta dùng cơm, vội bỏ ra đi và nói với nhau rằng: thầy Gotama không còn bền chí nữa, người đã ăn ở theo kẻ thế rồi.

Aggivessana này! Nhờ ăn cơm nên ta có sức lại và lòng không còn tham sanh và vọng tưởng nữa, nhưng còn suy nghĩ và lý đoán, ta nhập định vào bậc sơ thiền nhờ sự vắng vẻ, thanh tịnh và an lạc; nhưng sự cảm giác, Aggivessana này! Không dính vấp với ý tưởng ta.

Dứt suy nghĩ và lý đoán, Aggivessana này! Ta nhập vào bậc nhị thiền, nhờ sự gom trí và định tâm nên ta được an tịnh, vui mừng và an lạc; nhưng sự cảm giác đó, Aggivessana này! Không dính vấp với ý tưởng của ta.

Dứt cảm giác vui mừng chẳng còn quyền luyện đến thế sự nữa, tâm được an tịnh và vững vàng, ta biết được an lạc. Ta vào bậc tam thiền nhưng sự cảm giác này không dính vấp với ý tưởng ta.

Dứt tuyệt vọng cái vui và cái khổ, Aggivessana này! Mà trước kia ta còn cảm giác, ta đại định vào bậc tứ thiền, nhờ diệt tận cái vui và khổ; tâm ta trở nên trong sạch vẹn toàn và không còn chấp trước nữa. Nhưng các sự cảm giác mà ta có trước kia, Aggivessana này! Không dính vấp với ý tưởng ta, như vậy trí ta được trong sạch, sáng láng, sẵn dành để hành sự vững vàng không sai lạc; nên ta dùng trí tìm kiếm các kiếp quá khứ của ta như thế này: 1,2,3,4,5...10,20,30,40,50...100,1.000,5.000 kiếp, mười lần tận thế, mười lần lập thế, mười lần lập và tận thế; ta ở chỗ nào, tên chi, làm người nước nào, về phái nào, làm nghề nghiệp gì, vui hay khổ ra sao, hết kiếp này sang kiếp khác, ta như thế nào. Tìm thấy đủ các kiếp trước của ta rành rẽ, phân minh, không hề sơ sót.

Canh một đêm thứ nhất, ta được biết như vậy là lần đầu tiên, thì vô minh diệt, đạo bày tỏ rõ, mê muội tan, ánh sáng tỏ rạng, ta được suốt thông và minh mẫn luôn.

Các cảm giác mà ta biết đó, Aggivessana này! Cũng không động tới ý tưởng ta.

Như vậy, trí ta được trong sạch, sáng láng, sẵn dành để hành sự, vững vàng không sai lạc, ta dùng trí để tìm cái nguyên nhân sự luân hồi của chúng sanh.

Nhờ nhãn thông rất trong sạch, phi thường nên ta xem thấy cái tử, sanh, sang, hèn, tốt, xấu, vui, khổ của chúng sanh như vậy: Chúng sanh phải chịu luân hồi vì trước kia có tạo nghiệp thân, khẩu, ý bởi chúng sanh không lòng kính những điều phải kính, ưa những điều họ phải ưa, nên sau khi chết họ phải vĩnh đọa trầm luân đặng trả quả của các nhân đã gây tạo từ trước. Người ở theo tam thiện là: hành thiện, ngữ thiện, ý thiện, kính điều phải kính, ưa sự phải ưa, sau khi chết được phi thăng thượng giới, để hưởng điều an lạc.

Canh hai trong đêm thứ nhứt, nhờ dùng nhãn thông, ta biết được như vậy, nên vô minh diệt, đạo bày tỏ rõ, mê muội tan, ánh sáng tỏ rạng. Ta hằng được sót sáng, minh mẫn và vững vàng. Những sự cảm giác vui mừng ấy cũng không dính vấp với ý tưởng ta.

Nhờ trí được trong sạch sáng láng, sẵn dành để hành sự, sự vững vàng, không sai lạc, ta dùng trí xem rõ các cách để diệt sự lầm lạc tội lỗi theo chơn lý như vậy.

Đây là cái khổ, đây là nguồn cội cái khổ; đây là diệt cái khổ; đây là con đường đi để diệt cái khổ.

Đây là sự lầm lạc; đây là nguồn cội sự lầm lạc; đây là diệt sự lầm lạc; đây là con đường đi để diệt sự lầm lạc.

Trong khi xem xét biết các điều ấy, trí ta được thoát khỏi cái tham, sân, si nên ta hiểu rằng ta đã được giải thoát, không còn biết cái thân nào khác hơn cái thân này, vì đã thành bậc Chánh đẳng Chánh giác.

- **Giải về lúc Phật, sau khi được giải thoát, Ngài quán tưởng 12 Nhơn duyên dưới gốc cây Bồ đề.**

Lúc Phật đi gần xứ Uruvela, nơi mé sông Ni-Liên, dưới cội cây bồ đề mà Ngài mới chứng quả.

Phật nhập định bảy ngày dưới cội cây bồ đề, cây da và cây vừng, Ngài suy xét về 12 Nhơn duyên xem thuận rồi xem nghịch như vậy: Vô minh sanh Hành; Hành sanh Thức; Thức sanh Danh sắc; Danh sắc sanh Lục nhập; Lục nhập sanh Xúc; Xúc sanh Thọ; Thọ sanh Ái; Ái sanh Thủ; Thủ sanh Hữu; Hữu sanh Sinh; Sinh sanh ra lão, tử, đau đớn, than van, khổ não, buồn rầu, thất vọng. Nếu vô minh diệt, nhờ dứt tuyệt cái ái thì hành diệt; Hành diệt, Thức diệt; Thức diệt, Danh sắc diệt; Danh sắc diệt, Lục nhập diệt; Lục nhập diệt, Xúc diệt; Xúc diệt, Thọ diệt; Thọ diệt Ái diệt; Ái diệt Thủ diệt; Thủ diệt Hữu diệt; Hữu diệt, Sinh diệt; Sinh diệt, lão, tử, than van, khổ não buồn rầu, thất vọng diệt.

Sau khi tìm được 12 Nhơn duyên rồi, Phật có nói: bao giờ cái chơn lý bày tỏ rõ cho thầy Bà-la-môn trong khi tham thiền, lòng nghi nan mới dứt hẳn, nhờ sự hiểu thấu nguồn cội tất cả sự vật. Qua canh hai và canh ba trong đêm đó, Phật quán tưởng 12 Nhơn duyên của chúng sanh y như trên vậy.

12 Nhơn duyên

1) Vô minh: là mờ ám mê muội, tối tăm, không thông hiểu Tứ diệu đế, không rõ sự hiệp tan của ngũ uẩn, hằng lầm tưởng cho tập hợp là chắc, là thật, có tập hợp mới có điều vui sướng. Cái chi vô thường lại cho là bền vững, cái khổ gọi là vui, cái trược cho là trong sạch, thân tứ đại rất ngắn ngủi cho là lâu dài; mê muội bất thông luật nhân quả, không rõ kiếp quá khứ và vị lai.

Tại sao mê muội? Tại tham, sân, lười nhác, háo thắng, nghi nan; tại mắc tam nghiệp tội vì: thân, khẩu, ý ác; tại không được làm chủ các ngũ quan; tại không phân biệt được điều cảm giác xấu xa; tại không để ý gẫm xét những cách hành động lầm lạc; tại không lòng tin và nghe theo đạo lý nhà Phật; tại không hay thân thiết với các bậc thiện trí thức; tại có cảm giác đều vui và buồn, mới sanh ra cái ái, ái sanh bởi sự cảm xúc, có vô minh hiệp vào.

Vì vô minh sanh hữu (có thân) mới có tưởng lầm làm quấy, gây ra nhân quả.

2) Hành: vì vô minh mới sanh vọng tưởng và vọng hành, mới có quả báo luân hồi. Bởi có cái vọng tưởng là sau khi chết sẽ sanh ra như thế này, như thế kia... Minh nuôi cái ý tưởng đó, mới có cái thân này vậy.

3), 4) Thức và danh sắc: thức bởi tâm thức gá vào thai mẹ, hợp với tinh cha huyết mẹ, mới có danh sắc. Nếu cái thức không gá vào thai mẹ thì danh sắc không sao có được. Cũng vì cái thức nên mỗi khi một vị Phật hay Thánh văn giác diệt độ mà Ma vương hết lòng tìm kiếm để quấy rối, nhưng kiếm không ra. Bởi, cái thức của các đấng Thánh Nhơn, lúc diệt độ tan mất, các vị thần tiên và người thường không thể nào tìm thấy được. Cái thức của chúng sanh vì sự hành động bất tịnh nên sau khi chết phải đi đầu thai trở lại.

Bởi có cái thức mới có danh sắc, rồi phải chịu các điều lao khổ kể từ vào thai mẹ, cho đến trọn kiếp làm người. Hỏi sau khi cái thức nhập vào thai rồi, nó đi ra, cái thai có sanh được không? Cái thức ra khỏi, thân đứa trẻ đó có thể lớn khôn, nên người đặng chăng? Không, không thể nào được, nó phải chết liền. Bởi cái thức là căn bản của vật chất và tinh thần, nhưng muốn cho danh sắc được nên người, cho danh sắc được sống cũng chưa đủ, phải cần nuôi dưỡng nó nữa. Vô minh, ái, thủ, như mẹ nó, sự hành động như cha nó, vật thực như vú nuôi nó vậy.

Danh sắc rất liên lạc với thức, thức đối với danh sắc cũng vậy. Thức lấy danh sắc làm gốc, để làm đàng đi vì có danh sắc mới có già, có chết, nó bỏ xác này, đi đầu thai nơi khác, bỏ xác khác sanh ra nơi khác nữa. Thức ví như món ăn, nghĩa là cái tâm nhờ sự hành động của nó nuôi mà nên, nếu nó không cấp dưỡng là Niết-bàn, bằng nó nuôi là sanh sanh, tử tử vậy.

Danh sắc là thế nào? Danh là thọ, tướng, hành, thức chỉ về tinh thần. Sắc là vật chất (tứ đại: đất, nước, lửa, gió).

5) Lục Căn: là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Lục căn đủ thì lục trần gấm ghé vào.

6) Xúc: là tiếp xúc, cảm xúc, rờ rẫm, đá động. Bởi có lục căn nên lục trần mới lọt vào, mới có tiếp xúc. Tiếp xúc là sự gặp nhau của mắt, vật thấy và thức. Có ngũ quan, vật ở ngoài và thức mới có hay biết; cái biết này khác nhau tùy riêng mỗi ngũ quan và mỗi vật. Các điều biết do ngũ quan là biết cái ý, vì là sự hành động và chăm chỉ đều bởi ý mà ra.

7) Thọ: là cảm chịu, lãnh lấy cái vui hay buồn, không vui hay không buồn, nhờ có tiếp xúc trước.

Phần nhiều chia ra 3 thời kỳ mới tới cái thọ: ngũ quan và vật tiếp xúc; sự sanh ra cái biết; sự sanh ra cái thọ. Trong mỗi thời nhưt và thời nhì chưa có cái thọ.

8) Ái: là ái dục và ham muốn, ước ao, ham mê, khao khát, ưa mến, có thọ mới có ái. Ái nảy sanh ra trong tâm của con người là khi người đã có cái thọ. Thọ sanh bởi cái xúc, có vô minh hiệp vào. Trong khi tiếp xúc, tức nhiên sanh ra lý đoán và hành động lầm lạc, vì có vô minh hiệp vào với có cái thọ, chẳng phải chỉ cái thọ mà sanh ra cái ái.

Các bậc A-la-hán, tuy rằng có cái thọ, nhưng cái ái không sao sanh được bởi các bậc Thánh Nhơn có lý đoán rất chơn chánh. Người thế thường có cái ái sanh ra bởi họ hay có lý đoán lầm lạc (khổ, họ cho là vui, v.vv...). Cái lý đoán lầm lạc ấy định ra cái thân này, rồi còn thêm có lý đoán lầm lạc khác nữa, để nạp mình theo cái ái, mới sanh ra chấp có cái ta (ngã chấp).

Ái chia ra có nhiều hạng: 1 là 6 thứ ái sanh ra do lục căn và lục trần; 2 là 2 thứ ái sanh ra do sự cảm giác cái vui và buồn; 3 là 1 thứ ái sanh ra cái tâm không vui, không buồn. Ái cái vui là giữ gìn nó cho được lâu dài hay tìm kiếm thêm những vật chưa được vào tay mình. Ái cái buồn là mong tránh xa nó. Ái về khoản thứ 3 là để gìn giữ nó cho được lâu dài không sa sút. 4 là có thứ ái trong tập đế: là ái sự vui sướng theo ngũ quan: ái làm người thế và vị trời: ái sự giàu sang.

9) Thủ: là giữ lấy, tìm lấy, không cho rời cái vui sướng đã có, lại còn tìm kiếm thêm nữa, cho đến khi tình dục tràn trề, không còn biết kể tới sự hổ thẹn nữa. Vì đó mới sanh cái hành động lầm lạc tội lỗi không ngăn. Cũng bởi cái ái nên sanh có tư tưởng xấu xa, lầm lạc chấp có ta. Ái này là mong làm người, ái sự vui sướng. Vì đó nên chia ra cái thủ buồn bốn hạng: 1) thủ sự vui sướng theo ngũ quan; 2) thủ sự lầm lạc theo tà đạo; 3) thủ theo phong tục là tin nhờ tu khổ hạnh mà được giải thoát; 4) thủ chấp có ta.

Thủ chẳng phải giữ lấy vật dục vì lòng ham muốn mà thôi, lại còn mê sa những điều mình chấp nữa; nên mới sanh có vật chất sắc tướng. Thủ là giữ lấy ngũ uẩn, là nguyên chất dựng nên thân tứ đại này. Thủ để hành động giữ gìn cái sắc thân và tinh thần, mới có thân sau.

10) Hữu: có 3 nghĩa: 1) là tái sanh, luân hồi, sanh ra vật chất và tinh thần; 2) có thân, có ngũ uẩn; 3) sanh trong cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới.

Phái tiểu thừa giải: hữu là có thân sống, có ngũ uẩn, hài cốt, thân thể ngũ quan, tùy theo cõi mình luân hồi. Phái đại thừa giải: hữu là từ khi cái thức nhập vào lòng mẹ có cái ý

tướng đi đầu thai, vì chúng đã có tạo nghiệp: hữu là giữ lấy để hành động, là có thân này và thân sau.

11) Sanh: là sanh đẻ, là cái quả của mỗi người: tùy theo luật nhân duyên, là ra mặt của ngũ uẩn, mà cái ý tưởng trước hết là cái thức đi nhập vào thai mẹ.

12) Lão tử: có sanh thì có già, có buồn rầu khổ não, bởi cái thân, y theo trong khổ đế: sanh là khổ, già là khổ, đau là khổ, chết là khổ, ưa mến mà phải xa lìa là khổ, nghịch mà phải gần là khổ, có ngũ uẩn là khổ.

- **Dưới cội cây radijayatana**

Phật nhập định dưới cội cây radijayatana để hưởng cái quả phước giải thoát. Khi ấy có hai anh lái buôn tên: Da-Lê-Phù-Ba và Bạc-Lê-Ca đi ngang qua đó, tức thì có một vị Trời đến mách bảo như vậy: Hai người ôi! Dưới cội cây radijayatana có đức Phật mới đắc quả, vậy hai người nên lại làm lễ chào mừng, dâng cơm và mật cho Ngài, thì hai người đều được đại phước. Hai anh lái buôn nghe theo vào làm lễ Phật, ngồi một bên mà bạch rằng: Xin Phật từ bi thân dụng cơm và mật ong, cho chúng tôi được phước báu.

Phật nghĩ thầm: Đấng Như Lai không nên thọ lãnh đồ bằng tay, vậy ta phải làm thế nào? Từ vị Thiên Vương biết ý, bèn đem dâng cái bình bát bằng đá và bạch rằng: Xin đức Thế Tôn dùng cái này mà dụng cơm và mật ong. Phật thọ lãnh cơm và mật. Xong rồi thì hai anh lái buôn quỳ dưới chân Phật, bạch rằng: chúng tôi tình nguyện quy y Phật, quy y Pháp, xin đức Thế Tôn thân nhận chúng tôi là người thiện nam kể từ nay cho đến trọn đời của chúng tôi. Hai người này là cư sĩ quy y Phật, Pháp trước nhất (chưa có Tăng).

- **Dưới cội cây adjapala**

Sau khi tham thiền dưới cội cây radijayatana, Phật đi lại cội cây adjapala nhập định, suy nghĩ như vậy: Ta tìm được cái đạo rất cao thâm, huyền diệu, kẻ thường nhơn khó hiểu thấu, chỉ có bậc thiện trí thức mới rõ nổi. Chúng sanh mê sa việc trần thế, vui theo tình dục khó bỏ được, không thông luật nhân quả, biết bao giờ mới gỡ rồi nợ thế, diệt tận cái tham, sân, si để đến Niết-bàn là nơi cực lạc. Nếu ta đem Phật Pháp ra giáo hóa mà chúng sanh chẳng biết nghe, thì rất nhọc sức và luống công vô ích. Vì thế, Đức Thế Tôn mới nghĩ tới những điều sau này mà trước kia Ngài chưa để ý đến: Ta rất nhọc nhằn lao khổ, mới tìm ra cái đạo cao thượng như vậy, rất khó hiểu đối với những người đã bị tối mê, còn tham, sân theo tình dục. Thật vậy, chúng sanh khó nghe cái đạo, khác hẳn với đường đời.

Đại Phạm Thiên hiểu ý Đức Thế Tôn, bèn la lớn lên rằng: Thế thì chúng sanh phải tiêu diệt, vì Đức Thế Tôn muốn nghỉ an, không có lòng mở đạo.

Tức thì Đại Phạm Thiên hiện xuống, đến trước mặt Đức Thế Tôn, gồi tả quỳ chằm đất, hai tay xá chào, cầu xin Đức Thế Tôn mở đạo, vì trong chúng sanh cũng có kẻ tối mê chút ít, nếu họ không nghe được Phật Pháp ắt phải bị trầm luân khổ hải (hạng người này hiểu được Phật Pháp).

Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là đấng đại hùng, đại lực, cúi xin Ngài từ bi dìu dắt chúng sanh, vì Ngài đã được giải thoát, xin Đức Thế Tôn từ bi mở đạo, cũng có kẻ hiểu được Phật Pháp Đức Thế Tôn đã được sáng suốt hoàn toàn, rõ thông chơn lý, thấu biết sự vật, xin Ngài ngó lại chúng sanh đang bị cái khổ sanh tử trọng đại.

Nghe rồi Phật bèn đáp rằng: Đại Phạm Thiên ôi! Như Lai có nghĩ như vậy: Như Lai tìm được cái đạo cao thượng huyền diệu khó hiểu thấu... (Phật giảng lại cho Đại Phạm Thiên nghe v.v..)

Đại Phạm Thiên cũng cứ cầu xin đến ba lượt, đến lần thứ ba. Đức Thế Tôn chan chứa lòng từ bi với chúng sanh, Ngài dùng nhãn thông xem thấy chúng sanh: có người mê muội chút ít, kẻ lại rất tối tăm, có người cũng thông minh sáng láng, có kẻ dữ, người lành, kẻ bất thông, người mau hiểu, kẻ thông tu, người mộ đạo, chẳng khác nào trong ao có sen xanh, đỏ và trắng vậy. Hoa này mọc còn ở dưới nước, hoa kia lên ngang mặt nước. Cũng như trong chúng sanh, có người hạng thấp, kẻ bậc cao v.v. Nên Đức Thế Tôn cho Đại Phạm Thiên biết rằng: Từ đây chơn lý mở rộng cho chúng sanh, cho những người biết nghe và những kẻ biết tin và tưởng chơn lý. Đại Phạm Thiên hiểu rõ Đức Thế Tôn đã nhận lời cầu xin, chịu ra mở đạo, nên cúi chào Đức Thế Tôn và đi chung quanh qua bên tả mà biến mất.

• **Thuyết Pháp lần đầu**

Đức Thế Tôn nghĩ như vậy: Bây giờ ta dạy ai trước? Ai là người mau hiểu Phật Pháp? Ngài chợt nhớ đến thầy Bà-la-môn A-La-Ra là người thông minh sáng láng, khôn ngoan, chỉ còn tối mê chút ít, nếu người nghe đạo ta ắt mau hiểu. Tức thì có vị Trời bạch rằng: A-La-Ra chết đã bảy ngày rồi.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: bây giờ ta dạy ai trước? Ai là người mau hiểu Phật Pháp? Đức Thế Tôn nhớ tới thầy Ưu-Đà-La là người thông minh sáng láng, khôn ngoan chỉ còn tối mê chút ít, nếu nghe được đạo ắt mau hiểu. Liền có vị Trời bạch rằng: thầy Ưu-Đà-La mới chết hôm qua.

Đức Thế Tôn nghĩ thêm: bây giờ ta đi dạy ai trước? Ai là người mau hiểu Phật Pháp? Đức Thế Tôn nhớ tới năm Sa-môn, nhóm Kiều-Trần-Như. Năm thầy lúc trước có giúp ta nhiều việc, săn sóc ta trong lúc tu khổ hạnh. Vậy ta nên đi truyền đạo cho năm Sa-môn này.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: Bây giờ năm thầy Sa-môn ở nơi nào? Nhờ nhãn thông nên Đức Thế Tôn biết được năm thầy ở gần thành Ba-La-Nại tại vườn Lộc Giả, rồi Đức Thế Tôn lên đàng đi qua thành ấy. Có một thầy tên Ưu-Bà-Ca tu theo đạo Adjivaka thấy Phật đang đi, ra đón đàng hỏi Phật như vậy: Bạn ôi, sắc diện bạn thanh tịnh, nước da bạn trong sạch và sáng rỡ, bạn nhờ ai điểm đạo cho? Thầy của bạn là ai? Bạn theo pháp môn nào? Đức Thế Tôn trả lời: Ta thắng được các mũi giặc, được sáng suốt hoàn toàn, rất trong sạch, ta đã diệt tận cái tham và được giải thoát, ta tìm cái đạo lý nơi ta chẳng có ai là thầy ta vậy. Trong cõi thế gian này, cảnh thiên đàng kia, chẳng có một ai sánh bằng ta là bậc Đại Thánh Nhân trong đời này, là thầy của tất cả chúng sanh. Ta là Phật, là người vô ái, đã đắc Niết-bàn. Nay ta đi qua thành Ba-La-Nại để giáo đạo, đem cái trống bắt sanh bắt diệt đi đánh trong cõi tối tăm này.

- Bạn dám nói bạn đã được giải thoát sao?
- Nhờ diệt tận các điều lầm lạc, trừ tuyệt cái lòng ái dục, vô minh, Ưu-Bà-Ca ôi! Như vậy nên ta mới được giải thoát.

Nghe xong, thầy Ưu-Bà-Ca nói: Bạn ôi! Có lẽ phải, và nói và lắc đầu, rồi theo con đàng khác mà đi.

Đức Thế Tôn sang thành Ba-La-Nại đến vườn Lộc Giả là chỗ năm vị Sa-môn ở. Khi năm thầy thấy dạng Thế Tôn xa xa bèn bàn tính cùng nhau rằng: Bạn ôi! Thầy Gotama đi lại tới kia kìa, nay thầy đã theo thể tục, chẳng còn tu khổ hạnh như xưa, vậy chúng ta chẳng nên chào thầy, chẳng nên rước bình bát và y của thầy, chỉ cho thầy một chỗ ngồi, nếu thầy muốn.

Khi Đức Thế Tôn đến gần, năm thầy trở lòng áy náy khó chịu không còn giữ lời đã định cùng nhau khi nãy, đồng tới trước mặt Đức Thế Tôn, thầy này rước bình bát, thầy kia rước

y, thầy nọ dọn chỗ ngồi, thầy khác múc nước dâng cho Đức Thế Tôn rửa chân, dọn chỗ rửa mặt và khăn lau. Đoạn Đức Thế Tôn rửa chân xong, bèn ngồi xuống.

Trong khi nói chuyện, năm thầy cứ kêu đích danh Thế Tôn và gọi bằng bạn hữu. Thấy vậy Đức Thế Tôn mới thốt rằng: Này các thầy ôi! Đừng gọi Thế Tôn bằng bạn hữu và đích danh Thế Tôn. Các Sa-môn này! Thế Tôn là Phật, là bậc đã được sáng suốt hoàn toàn. Như Lai đã được giải thoát, nên đến đây dạy các thầy, ráng làm theo, chẳng bao lâu, trong nội kiếp này, sẽ thấy hiện tiền cái chân lý, là cái đạo, để cho chúng sanh tu hành trở nên bậc Thánh Nhân vậy.

Đức Thế Tôn vừa dứt lời, năm thầy Sa-môn tiếp nói rằng: Bạn Gotama ôi! Các cách tu khổ hạnh trước kia bạn đã hành theo mà còn chưa được tấn hóa, đạo lý vẫn chưa thành, huống chi nay bạn đã bán đồ nhi phế, vui theo tình dục, lẽ nào bạn lại được tấn hóa mà thành đạo sao?

Phật rằng: Các Sa-môn! Như Lai chẳng phải bán đồ nhi phế và vui theo thế tục đâu. Các Sa-môn này! Như Lai là bậc sáng suốt, là bậc Đại Thánh Nhân, v.v... (*Phật lập lại cũng y lời trên*).

Năm Sa-môn nói hai lần, mà Thế Tôn cũng trả lời, như vậy.

Thấy các thầy nín thinh, Đức Thế Tôn tiếp nói: Các thầy hãy nhớ lại từ trước, Như Lai có nói như vậy chẳng?

- Bạch không.

- Các thầy Sa-môn này! Như Lai là bậc Đại Thánh Nhân, đã hoàn toàn giải thoát, vậy các thầy ráng nghe, các Sa-môn này! (*Phật lập lại cũng y như trên*) Đức Thế Tôn nói cho năm thầy tin được rồi, năm thầy hết lòng chăm chỉ nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp như vậy:

Các Sa-môn này! Có hai việc thái quá mà kẻ tu hành phải tránh xa. Một là mê sa trần cảnh, ham muốn điều vui sướng xấu xa, tội lỗi hèn hạ, vô liêm sỉ, hai là tu khổ hạnh, đau đớn, khổ sở, hèn hạ. Nhờ tránh xa hai việc ấy, các Sa-môn này! Như Lai gặp được con đường trung đạo để mở mắt và trí trở nên sáng suốt thanh tịnh, tìm được cái đạo, cái “giác” là Niết-bàn. Đó là con đường đạo bát chánh là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Các Sa-môn này! Nhờ con đường giữa đó mà Như Lai được mở mang trí tuệ, sáng suốt thanh tịnh, được đạo lý quang minh hoàn toàn và Niết-bàn.

Đây các Sa-môn này! Là khổ đế: sanh là khổ, lão là khổ, bệnh là khổ, không ưa mà hiệp là khổ, ưa mà lìa là khổ, muốn mà không được là khổ, si mê là khổ. Đây, các Sa-môn! Là tập đế: là nguồn cội cái khổ là lòng ái dục nó buộc con người phải luân hồi, hết kiếp này, sang kiếp khác sa mê theo tình dục, lục căn, tìm kiếm và giữ lấy những vậy yêu dẫu cho được thỏa thích, ham muốn và ước ao việc trần thế. Đây, các Sa-môn này! Là diệt đế, là diệt tận lòng ái dục và các dục vọng thế sự, dứt bỏ những vui sướng theo lục căn. Đây, các Sa-môn này! Là đạo đế, là con đường đi để diệt cái khổ, là đạo bát chánh, đã có nói khi nãy.

Đây, là khổ đế, các thầy Sa-môn này! Các ý tưởng này lúc trước Như Lai chưa biết được, nay mắt và trí Như Lai đã thấu rõ, nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”. Đây, là tập đế, các Sa-môn này! Các ý tưởng này trước kia Như Lai chưa biết được, nay mắt và trí Như Lai đã thấu rõ nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”. Đây, là tập đế, tập đế huyền diệu này. Như Lai phải diệt nó, nó đã bị Như Lai diệt rồi. Như vậy các Sa-môn này! Những ý tưởng này trước kia Như Lai chưa được biết, nay mắt và trí Như Lai đã rõ thấu, nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”. Đây, là diệt đế, là con đường đi

để diệt khổ như vậy, các Sa-môn này! Những ý tưởng này trước kia Như Lai chưa biết được, nay mắt và trí Như Lai đã rõ thấu, nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”. Đây là cái đế huyền diệu để diệt cái khổ, Như Lai đã thấy tỏ rõ trước mắt. Như Lai đã thấy nó tỏ rõ trước mắt rồi. Như vậy, các Sa-môn này! Những ý tưởng này trước kia Như Lai chưa biết được, nay mắt và trí Như Lai đã rõ thấu, nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”. Đây là đạo đế, cái đế huyền diệu để diệt cái khổ, Như Lai phải hành cho xong, Như Lai đã hành xong rồi. Như vậy, các Sa-môn này! Những ý tưởng này trước kia Như Lai chưa biết được, nay mắt và trí Như Lai đã rõ thấu nên Như Lai được cái đạo lý sáng suốt là cái “tuệ”.

Bao giờ chưa được rõ phân minh cái “biết” như vậy: Như Lai không rõ Tứ diệu đế này và thấu lý ba cái tướng của vũ trụ với 12 nhơn duyên, các Sa-môn này! Như Lai được sáng suốt hoàn toàn trong cõi thế gian, trời, Ma vương và cõi Phạm Thiên.

Nhưng, khi Như Lai biết được một cách phân minh (*Phật lập y lại như trên...*) Như Lai hiểu rằng: các Sa-môn này! Như Lai được sáng suốt hoàn toàn (*Phật lập lại y như trên*). Nhưng cái “tuệ” mà Như Lai được đó, nó cho Như Lai rõ rằng: từ đây Như Lai được giải thoát, kiếp này là kiếp chót của Như Lai, Như Lai không còn sanh lại nữa.

Đức Thế Tôn giảng xong, năm Sa-môn rất vui mừng và kính phục lời của Thế Tôn vô cùng. Trong năm thầy, ông Kiều Trần Như đặc tuệ nhãn, biết rằng cái chi có “tạo” thì có “diệt”.

Lúc Thế Tôn đang chuyển Pháp Luân, Chư Thiên ở cõi này la lớn lên rằng: Thật như vậy, tại thành Ba-La-Nại, nơi rừng Lộc Giả, Đức Thế Tôn đang chuyển Pháp Luân. Tiếng la của Chư Thiên này nghe vang dội nên Chư Thiên ở cõi Tứ Thiên Vương cũng nói rằng: Thật như vậy, nơi thành Ba-La-Nại, nơi vườn Lộc Giả (*y như trên v.v...*). Chư Thiên ở cõi trên cũng đều la vang như vậy.

Trong khi đó, tiếng la lên thấu tới cõi Phạm Thiên và cả thấy 10 ngàn cõi đều rung động, lao xao và có một ánh sáng vô cùng tốt, sức mạnh hơn các ánh sáng của Chư Thiên, chiếu thấu các cõi thế giới. Lúc đó, Đức Thế Tôn cho thiên hạ hay: Thầy Kiều Trần Như đã hiểu đạo. Thật vậy, thầy Kiều Trần Như đã hiểu đạo, hết còn dục dục, dứt lòng nghi ngại, thấy rõ chơn lý, không còn tin cái chi hơn là tin Phật Pháp, nên thầy bạch rằng: Cúi xin Đức Thế Tôn điểm đạo cho đệ tử. Đức Thế Tôn đáp: Lại gần đây, thầy Sa-môn này! Chánh pháp dạy đã phân minh, thầy ráng ở cho trong sạch, để diệt tận cái khổ. Tức thì thầy Kiều Trần Như được điểm đạo.

• Trích dịch ở kinh tụng thuyết

Ta có nghe như vậy: Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở trên núi Xa-La-Ca, lúc đó thầy Mê-Ghi-Ya theo hộ, thầy lại gần bên Phật, quỳ bạch rằng: Đệ tử cúi xin Đức Thế Tôn cho phép đệ tử vào làng Djantou để xin cơm.

- Meghiya ôi! Thầy làm thế nào vừa ý thì làm.

Thầy Meghiya khi xin cơm xong, trở về dùng rồi đi theo mé sông Kimikala, xem thấy một đám xoài mát mẻ và thanh tịnh, thầy nghĩ thầm: đám xoài này rất vui vẻ, tiện cho người chơn tu dùng để tham thiền, nhập định. Nếu Đức Thế Tôn bằng lòng, ta lại đây mà hành đạo. Tính xong thầy Meghiya lại gần, quỳ và bạch rằng: Trước giờ ngộ, đệ tử có đi vào xóm Djantou để xin cơm, và khi trở về ngộ thực rồi đệ tử có đi theo mé rạch Kimikala thấy có một đám xoài rất mát mẻ và vui vẻ, đệ tử có ước thầm: đám xoài ấy rất tiện cho kẻ chơn tu tham thiền, nhập định. Nếu Đức Thế Tôn cho phép, đệ tử xin trở lại nơi ấy mà

hành đạo. Thấy Meghiya bạch vừa rồi, Đức Thế Tôn đáp rằng: Để chờ một chút nữa, Meghiya này! Chờ các thầy Sa-môn khác lại đến đã.

Qua lần thứ nhì, thầy Meghiya bạch với Đức Thế Tôn rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Ngài không còn phải hành pháp nữa. Còn phần đệ tử cần phải tìm nhiều việc nếu Đức Thế Tôn chuẩn hứa, xin cho đệ tử trở lại vườn xoài kia để hành đạo. Thế Tôn cũng bảo chờ một chút nữa, Meghiya này! Bây giờ chỉ có chúng ta, chờ các thầy Sa-môn khác lại đến đã. Đến lần thứ ba, thầy Meghiya cũng xin như trước. Đức Thế Tôn nói: Meghiya này! Các cách để diệt trừ cái lòng vọng tưởng, Như Lai đã chỉ dạy đều đủ, vậy ngươi cứ hành theo lời mà ngươi đã nghe. Thầy Meghiya đứng dậy, xá chào Đức Thế Tôn và đi vòng theo bên tả mà lui. Thầy đi lại đám xoài tham thiền trong lúc trời nắng.

Trong khi tham thiền ở nơi đám xoài ấy, thầy Meghiya hằng bị tư tưởng xấu xa nảy sanh ra trong trí, trái hẳn với lẽ đạo. Thầy nghĩ thầm rằng: Thật khác thường, lạ kỳ, ta đã sẵn lòng, bỏ nhà theo đạo, sao nay lại bị các tư tưởng tội lỗi rối loạn như vậy. Có ấy, thầy Meghiya, bỏ nơi đó trở lại gần bên Đức Thế Tôn, xá chào và bạch rằng: trong lúc đệ tử tham thiền nơi đám xoài, bị các tư tưởng xấu xa nổi lên ba lượt, khuấy rối đường này: ý tưởng bất tịnh, hung dữ, nghịch hẳn với đạo lý.

Đức Thế Tôn giải: như muốn cho trí mau giải thoát, Meghiya này! Thầy Sa-môn phải có năm phép. Meghiya này! Sa-môn phải có người bạn đạo đức là điều thứ nhất. Meghiya này! Thầy Sa-môn phải hết lòng chơn tu, gìn giữ giới luật cho tinh khiết, phải có lòng từ bi là điều thứ nhì. Meghiya này! Thầy Sa-môn phải lánh dữ làm lành, thông rõ đạo lý chán nản sự thế, dứt sự sa mê theo tình dục, và lòng háo sanh, tâm cho được thanh tịnh, bền chí mong tới từ bi, tham thiền, giác tánh và giải thoát là điều thứ ba. Meghiya này! Thầy Sa-môn phải bền lòng chắc dạ, đi cho đến nơi cùng tột, để tìm sự giải thoát. Phải dứt bỏ những điều trái lẽ, phải quyết định và có nghị lực, một lòng không lùi sụt là điều thứ tư. Meghiya này! Thầy Sa-môn phải thông minh sáng láng, hiểu thấy góc ngọn của tất cả vạn vật, suốt thông con đường đi để diệt cái khổ, là điều thứ năm. Meghiya này! Đó là năm phép mà người tu hành muốn cho được mau giải thoát, phải biết. Thầy Sa-môn phải có bạn thiện hữu tri thức, phải hay gần gũi với các bạn đạo đức và thầy phải hết lòng tu hành tinh tấn có nghị lực và tính khiêm nhường.

Meghiya này! Thầy Sa-môn phải giữ thêm bốn phép khác nữa là: phải tham thiền về cái mạng trước để trừ dục vọng; phải tham thiền về pháp từ, bi, hỷ, xả để trừ cái tâm sân hận; phải tham thiền về số tức quan để diệt cái tâm vọng tưởng; phải quán tưởng về cái vô ngã để dứt cái lòng kiêu căng. Phàm ai xét thấu và dứt được cái ngã chấp, mới thấy Niết-bàn nội trong kiếp này.

- **Ông Xá-Lợi-Phất nói**

Không rõ cái khổ, bạn ôi! Không rõ nguồn cội cái khổ, không rõ phép diệt cái khổ, không rõ con đường đi để diệt trừ cái khổ, đó bạn ôi! Gọi là vô minh vậy. Bởi không thấu Tứ diệu đế nên trước kia ta phải bị luân hồi mãi mãi. Nay ta đã rõ thấu Tứ diệu đế, nên mới được thoát ly sanh tử luân hồi, diệt tận cái ái nên ta không còn đầu thai nữa.

- **Phật giải về lý vô thường**

Chúng sanh phải suy xét như vậy: trong cõi trần này, chẳng có cái chi được bền vững lâu dài cả. Những cái chi mà ta có đây, ta chỉ tạm dùng nó thôi, ta không quyền gì làm chủ nó được (có thân phải có già, có đau, có chết), thế sự vạn ban có ngày phải diệt tận, hoặc tự nó hoặc bị sự xảy đến từ nơi ngoài.

Thử hỏi, ta tìm kiếm được cái chi lâu dài trong cõi này chăng? Ta bỏ chỗ này, đi tìm nơi khác và cũng phải bỏ nơi khác đó nữa. Có đó, mất đó, thật như vậy, những cái chi mà ta đã tạo, phải có ngày diệt tận, có sự thay đổi luôn luôn.

Và lại cái khổ là nguyên nhân bi yếu của giống hữu tình. Ta thử xem ở xung quanh ta, hay xem trong vũ trụ, ta chỉ thấy những sự đau đớn buồn rầu rất là thảm khổ và tức tối mà ta ráng lắm mới chịu nổi. Mắt ta thấy những là đau đớn, khổ não và tai nạn. Phía nào ta cũng bị điều ghê gớm, khó nhọc, thảm khổ bao vây, chẳng có một nơi nào ta gặp được sự an tịnh và khoái lạc hết. Thật là rất vô ích để tìm sự thanh nhàn an vui được. Hai điều này là mơ màng, ta không thể nào gặp nó được. Nếu xem cho chín chắn ta thấy chỉ có cái “danh” và cái “sắc”, nhưng cũng đều là ảo mộng thôi. Thế thì ta phải suy nghĩ như vậy: những cái chi ta thấy đó, nó chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta, ta cũng chẳng phải là nó. Những cái chi mà ta cho là ta, thật chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là của ta vậy. Ấy là những điều ảo mộng thôi. Sắc chẳng phải là sắc, chúng sanh chẳng phải là chúng sanh. Cả thấy đều do nơi ngũ uẩn và tứ đại (đất, nước, lửa, gió) và những điều này cũng do “danh” và “sắc” là những sự tưởng tượng cả, là không thật cả. Trong thân có hai cái: “danh” và “sắc” có hơi chắc chắn hơn mấy cái khác, nhưng theo cái tính chất của nó, cũng chẳng phải là bền vững.

Phật thấu rõ các tướng của vạn vật đều là vô thường nên Ngài chán nản, không màn tới nữa. Ngài rất ghét ghê dứt bỏ và không trước ý đến nữa.

• **Phật giải về sự làm lành (Cho một thầy Bà-la-môn nghe)**

Có một đức vua thân chinh thẳng trận, ban cư hội trào, nhứt định làm lễ cúng dường chư vị Thánh Thần. Ngài có thỉnh một nhà sư để bày tỏ ý Ngài đã muốn. Nhà sư bèn khuyên vua: như muốn làm phước, trước hết phải làm cho trong nước dân được an cư lạc nghiệp rồi sau mới nên làm lễ cúng dường. Trong lúc làm lễ chẳng nên sát sanh hại vật, đốt cây chặt cỏ. Cả thấy bộ hạ của vua cũng phải làm lành, lánh dữ, một lòng cùng vua, dùng sữa bò, dầu ăn và mật ong mà làm lễ cúng dường. Đức Vua nghe theo y lời nhà sư chỉ dạy rất được toại lòng sở nguyện.

Phật giảng tiếp rằng: còn một cách làm phước dễ dàng mà được nhiều phước hơn, là bố thí cho những thầy chơn tu, cất tịnh xá cho Phật và cho các thầy Sa-môn ở.

Nhưng cũng có một cách làm phước cao thượng hơn là phải thành tín quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, không sát sanh hại vật, không vọng ngữ, không gạt gẫm người v.v...

Có một thể làm phước cao thượng hơn trước là không còn biết tới cái vui, cái buồn, phải giữ lòng cho được thanh tịnh.

Rốt cuộc còn một cách làm phước tối cao, là phải tu cho đắc quả, thoát khỏi cái khổ luân hồi nhập Niết-bàn là nơi bất sanh bất diệt mới gọi là cực lạc. Ấy mới thật là phước cao thượng tuyệt đối.

Phật dạy xong, thầy Bà-la-môn liền bạch rằng: Tôi nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Tức thì thầy Bà-la-môn vui lòng thả vài trăm con thú của thầy cho chúng nó đi thong thả, mặc tình ăn cỏ tốt, uống nước trong (mát) không còn hành hạ, bắt buộc chúng nó nữa.

• **Phật giải về sự xét lỗi mình**

Xá Lợi Phất này! Bôn phận Sa-môn phải quán tưởng: trong lúc vào xóm, đi khất thực, nơi ngừng xin cơm hoặc trong lúc trở về. Trong khi hành động ấy, thầy có cảm giác những điều vui mừng, tham lam, ưa muốn, sân si chăng? Xá Lợi Phất này! Thầy Sa-môn phải biết

quán tưởng rằng: như lúc vào xóm khát thực, nơi ngừng xin cơm, khi trở về thầy có phạm những tội lỗi là có cảm giác vui mừng, tham lam, ưa muốn, sân si. Xá Lợi Phát này! Thầy Sa-môn phải ráng dứt bỏ những tánh xấu xa vọng tưởng ấy. Xá Lợi Phát này! Nếu xét tưởng như vậy rồi, biết được không phạm các tội lỗi chi. Xá Lợi Phát này! Thầy Sa-môn phải khen thầm mình và nên vui mừng đẹp ý vậy.

Rất hữu phước cho những người đã quen làm lành đường ấy. Ví như có một cậu trai hoặc cô gái kia có lòng điễm trang, thường hay soi gương, nếu thấy nơi mặt lấm nhơ hay có vết tích chi thì họ tìm cách làm cho hết chỗ dơ hoặc vết tích ấy. Bằng xem không thấy, họ rất vui mừng đẹp ý và tự khen rằng: như thế là được, như vậy mới mãn nguyện.

Cũng vậy, thầy Sa-môn khi xét thấy biết mình có phạm tội lỗi xấu xa rồi phải ráng làm cho dứt hết các tội lỗi ấy đi. Nếu đã xem xét mà chẳng thấy có điều tội lỗi thầy lại khen, mừng thêm cho mình và đêm ngày thầy cũng làm lành thêm nữa.

• **Chuyện đức A-la-hán-Na-Tiên với vua Mi-Lan-Đà**

Đức Vua Mi-Lan-Đà có hỏi Ngài Na-Tiên tỳ-khưu, làm thế nào mà biết Ngài được?

- Bạch, Ngài tên chi?

- Ta tên Na-Tiên Đại Vương à! Na-Tiên đó là cái tên, cái danh hiệu, là một tiếng kêu thường vậy thôi, chớ không có người.

- Đó cả thầy 500 kẻ bộ hạ của tôi và 80.000 thầy Sa-môn có nghe chẳng? Ngài Na-Tiên tại đây, mà Ngài nói là không có Ngài; vậy, có ai nhận chịu như vậy chẳng? Đức Vua bèn hỏi tiếp:

- Thầy Na-Tiên này! Ngài nói tại đây không có người, vậy ai là kẻ săn sóc các việc cho Ngài cần dùng đó? Như là: y bát, món ăn, chỗ ở và thuốc men cho những kẻ tật bệnh, ai dùng mấy món mới kể đó; ai làm phước, làm lành, ai trau dồi đức hạnh, ai tu hành đặc đạo, ai được thấy Niết-bàn, ai sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ, ản tửu; ai phạm năm điều tử tội? Như vậy, cũng không lành, không dữ, không thầy, không tớ; sang, hèn, lành, dữ, không phân biệt cũng cũng không thưởng phạt. Nếu có ai cố sát Ngài, bạch Ngài, người đó cũng không mang tội giết người sao? Ngài ôi, vậy tóc đó có phải là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu Đại vương à!

- Móng tay, răng, thịt, xương, có phải là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu Đại vương à!

- Danh và sắc, có phải Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu Đại vương à!

- Sự cảm giác có phải Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu Đại vương à!

- Thọ, tướng, hành, thức có phải Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu Đại vương à!

- Bạch Ngài, vậy ngoài cái danh, sắc, thọ, tướng, hành, thức ra có chỗ nào là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng có chỗ nào cả, Đại vương à!

- Bạch Ngài, tôi đã hỏi đủ điều, mà chẳng gặp chỗ nào có Na-Tiên cả. Bạch Ngài, tiếng không không có phải là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải đâu, Đại vương à!

- Vậy Na-Tiên là gì? Bạch Ngài, Ngài nói sai rồi, Ngài nói dối là không có Na-Tiên.

Rồi đó đức Na-Tiên hỏi lại đức vua bằng cách này: Đại vương ôi! Đại vương là bậc sang trọng, sang trọng tốt bụng, như thế lúc đứng ngọ như vậy, Ngài ngự lại đây đất nóng, lại

thêm đá sỏi bén, có lẽ chân Ngài đau nhức lắm, thân thể và trí Ngài mệt mỏi lắm. Vậy Ngài ngự lại đây bằng xe hay bằng chân?

- Bạch, tôi chẳng phải đến đây bằng chân, tôi đến đây bằng xe.

- Nếu Đại vương đến đây bằng xe, vậy tôi xin Đại vương giải cái xe cho tôi nghe. Cái gọng dây, Đại vương này! Có phải là xe chăng? Đức Na-Tiên thừa dịp khi này hỏi lại đức vua như vậy: cái ví, cái mui, cặp bánh xe, hay là trừ các món ấy ra, có phải là cái xe chăng?

- Bạch, đều là chăng phải.

- Đại vương này! Tôi đã hỏi đủ điều mà chẳng có chỗ nào gập cái xe cả. Vậy tiếng không không đó là xe chăng? Vậy xe là gì đâu? Đại vương nói sai rồi, Đại vương nói dối là không có cái xe. Đại vương ôi! Ngài là chúa cả đất Ấn Độ, Ngài còn sợ ai, nên Ngài không dám nói sự thật. Vậy 500 bộ hạ của Ngài và 80.000 Sa-môn, có nghe đức Vua Mi-Lan-Đà, Ngài nói lại đây bằng xe chăng, mà tôi nhờ Ngài giải cái xe cho tôi nghe, Ngài lại không chịu nói. Vậy ai có công nhận chăng? Đức Na-Tiên nói rồi, thì 500 bộ hạ của Vua Mi-Lan-Đà đều cảm phục lời của đức Na-Tiên và tâu với vua rằng: Đại vương ôi! Như có thể được, xin Đại vương trả lời. Nhưng đức Vua bạch với đức A-la-hán như vậy: tôi chẳng phải không nói sự thật, bạch Ngài, gọng, ví, mui, cặp bánh, cả thảy thật chăng phải là xe.

- Thật như vậy, Đại vương này! Cũng như so sánh với tóc, da, gân, xương, danh sắc, thọ, tướng, hành, thức, người ta dùng cái danh từ để gọi tên Na-Tiên đó thôi. Nhưng, thật không có chi hết. Đại vương này! Vì thế mà bà Vajira có bạch với Phật như vậy: nơi nào có các phần của cái xe hiệp lại thì gọi đó là xe, nơi nào có ngũ uẩn hiệp lại gọi đó là người vậy. Đó là lời của phàm nhơn thường kêu như vậy.

- Thật rất hay, Ngài Na-Tiên này! Hay rất lạ thường ngài Na-Tiên này! Có nhiều câu hỏi nó làm rộn trí tôi, mà nay Ngài đã bày tỏ rất phân minh. Nếu Phật còn, chắc Đức Phật khen Ngài lắm. Thật là hay, thật là hay, Ngài Na-Tiên này! Có nhiều câu hỏi nó làm rộn trí tôi, mà nay Ngài bày tỏ rất phân minh.

• **Phật giải về Tứ diệu đế**

Trong lúc người tu hiểu rõ tứ đế, thì được thoát khỏi cái thủ về tình ái, lòng háo sanh, lầm lạc và vô minh. Người được giải thoát, biết rõ rằng mình được giải thoát, hết luân hồi, được vào bậc Thánh, phận sự đã tròn, chẳng còn trở lại cõi trần này nữa. Đó là cái tự kiến của người đắc đạo vậy.

Các tỳ khuru này! Cũng vì có dầu nên ngọn đèn mới cháy, nếu không ai châm dầu và thêm tim, các tỳ khuru này! Hết dầu hết thì đèn tắt, bởi thiếu món ăn của nó “là dầu” cũng như con người trì chí, có trong tim cho biết thấu được những điều mau hư hoại của sự vật trong thế gian, thì ái dục phải dứt tuyệt, ái dứt, thủ cũng tiêu v.v... Đó là phép để biệt cái thông khổ vậy.

• **Phật giải về cái thủ**

Bởi có sóng to, sóng rất to chồm lên bao quanh cả con người (là cái khổ sanh, lão, bệnh, tử) mà con người không biết thế nào gặp được hòn đảo kappa này, đó là nơi Như Lai dạy vậy.

Nơi nào chẳng, có cái thủ thì có đảo, mà chỉ có một hòn đảo, hòn đảo Như Lai gọi đó là Niết-bàn, là nơi cuối cùng của cái già và cái chết vậy.

Kẻ tham thiên, nhập định mà không thôi chí, một lòng sốt sáng thì gặp Niết-bàn.

Sự đói khát là một cái bệnh rất khó chịu, mà các điều tạo tác là cái khổ khó chịu hơn nữa. Hiểu được như vậy rồi gọi là gặp Niết-bàn, là được cái đạo quả tối cao. Bậc đắc đạo

chẳng khi nào làm hại ai, hằng kèm chế cái thân, để đi đến chốn thiêng liêng, ai đến được nơi đó rồi chẳng còn biết gì đến cái khổ nữa.

- **Phật giải về cái ý**

Cái chi mà ta có đây là cái kết quả của sự hành động của ý ta tự nơi ý ta mà ra, tự nơi ý ta mà làm ra. Nếu người nói hay làm theo cái ý tưởng xấu xa, thì cái họa theo liền tay, cũng như bánh xe lăn theo chân con thú vậy.

Cái chi mà ta có đây là cái kết quả của sự hành động của ý ta, tự nơi ý ta mà ra, tự nơi ý ta làm ra. Nếu người nói hay làm theo cái ý trong sạch, thì cái phước nó theo mình như bóng tùy hình không khi nào nó lìa xa mình vậy.

Người nào nói nhiều điều cao thượng chân chánh, mà chẳng làm theo, ấy là kẻ điên. Cũng như anh chăn bò kia cứ đi đếm bò của kẻ khác. Người như vậy chẳng đáng làm thầy Sa-môn đâu.

Người nào ít nói lời cao thượng, chân chánh, mà hành theo chân lý, không lòng tham, sân, si... thì được giải thoát, chẳng còn vọng tưởng đều chi ở cõi trần này hay cảnh thiên đàng kia, người đó mới đáng làm thầy Sa-môn vậy.

- **Phật giải về cái ái**

Các điều khổ não và than van ở cõi trần này mà có cũng bởi mình có kẻ thân thiết hay vật chi yêu dấu mà ra. Nơi nào không có cái chi thân thiết và yêu dấu, cũng chẳng có cái khổ sanh ra được. Vì thế, người chẳng có cái chi thân thiết, ắt được vui mừng và cũng chẳng có sự chi buồn rầu xảy đến. Vậy con người muốn được an vui, thanh tịnh, dứt sự khổ não và không còn vướng bụi trần, không nên có cái chi thân thiết và yêu dấu ở thế gian này nữa.

Không thể nào mình vui được, không thể nào mình mê sa điều vui sướng được, vì mình đang bị phiền não đời đời kiếp kiếp, cái vô minh bao vây mình. Hỏi vậy mình có muốn tìm ánh sáng không?

Mình trồng hoa, các ý tưởng mình chăm chú vào điều vui thích vì hoa, như nửa đêm cái chết đến và bắt mình, mình còn vui thích được với hoa nữa chẳng? Mình trồng hoa, các ý tưởng mình chăm chú vào điều vui thích vì hoa, mình mê sa nó vô hạn, mà có kẻ theo hại mình, nắm mình trong tay.

Trên không trung, giữa biển cả, trong hang đá chật hẹp, kín đáo và nơi nào khác nữa, mình trốn cũng chẳng khỏi tay Ma vương.

Vui sanh ra khổ, vui sanh ra sợ. Người nào tránh khỏi cái vui, người đó tránh khỏi cái khổ, như thế, cái sợ không thể nào sanh ra được.

Thương yêu sanh ra khổ, thương yêu sanh ra sợ. Người nào tránh khỏi cái thương yêu, người đó không còn khổ nữa. Như thế, cái sợ không sao sanh ra được

Người nào thấy tất cả chúng sanh như thấy bọt nước, như thấy chiêm bao, người đó được giải thoát.

Người nào tránh khỏi tội lỗi, làm lạc; người nào đến mé bờ bên kia, đứng được trên mé bờ rồi, hằng đem lòng suy xét: không tham, không ngã lòng; người nào tránh khỏi sự luân hồi, dập tắt lửa lòng, người đó mới đáng làm thầy Sa-môn vậy.

- **Phật giải về cái tham**

Người nào bị cái tham việc trần thế, thì cái khổ càng sanh thêm nhiều như cỏ mọc vậy.

Người nào làm chủ được cái tham, là tham việc trần thế, là điều rất khó bỏ được, đối với những người ấy, cái khổ đã dứt hẳn, cũng như nhỏ nước trên bông sen rút xuống vậy.

Nếu cây bị chặt đứt mà còn nguyên rễ, cây ấy mọc lại hẳn hoi, cũng như mảnh bụi của cái tham chưa tuyệt, thì cái khổ càng sanh thêm nhiều.

• Phật giải về cái vô ngã

(Nhờ nghe giải bày này mà bốn thầy trong nhóm ông Kiền-Trần-Như được thành A-la-hán).

Các tỳ khuru này! Cái sắc thân chẳng phải là ta. Các tỳ khuru này! Nếu cái sắc thân là ta, thì nó không phải chịu điều đau đớn và khổ não, thì các thầy nên nói như vậy: ta muốn cái xác thân ta như thế này, ta không muốn nó như thế kia. Các tỳ khuru này! Bởi cái sắc thân chẳng phải là ta, vì nó phải chịu đau đớn và khổ não, như vậy, các thầy không nên nói: ta muốn sắc thân ta như thế này ta không muốn nó như thế kia.

Các tỳ khuru này! Cái thọ chẳng phải là ta... Cái tưởng chẳng phải là ta... Cái hành chẳng phải là ta... Cái thức chẳng phải là ta... Các tỳ khuru này! Nếu nó phải là ta thì nó không phải chịu đau đớn và khổ não, thì các thầy nên nói như vậy: Ta muốn nó như thế này, ta muốn nó như thế kia. Nhưng các tỳ khuru này! Bởi thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ta, thì các thầy không nên nói như vậy: ta muốn nó như thế này, ta không muốn nó như thế kia.

Các tỳ khuru này! Các thầy tưởng thế nào? Các sắc thân được lâu dài hay là không được lâu dài?

- Bạch, nó không được lâu dài.
- Cái chi không được lâu dài là đau đớn hay không đau đớn?
- Bạch, là đau đớn.
- Cái chi hay đau đớn và không được lâu dài, là phải chịu phép thay đổi luôn. Vậy bậc thiện trí thức thông rõ đạo lý, luận về sắc thân, có nên nói: cái này là ta, ta là cái này, cái này là của ta không?
- Bạch, không nên nói.
- Các tỳ khuru này! Các thầy tưởng thế nào? Cái thọ có được lâu dài không?... Cái tưởng có được lâu dài không?... Cái thức có được lâu dài không?...
- Bạch, không được lâu dài.
- Cái chi không được lâu dài là khổ hay không khổ?
- Bạch, là khổ.
- Cái chi không được lâu dài và chịu khổ não là phải chịu phép thay đổi luôn. Thế nào, bậc thiện trí thức thông rõ đạo lý, luận về cái ta, có nên nói: cái này là ta, ta là cái này, cái này là của ta không?
- Bạch, không nên nói.

Vì thế, các tỳ khuru này! Các sắc tướng trong đời trước, đời này hay đời sau, trong hay ngoài, dày hay mỏng, dơ hay sạch, xa hay gần, các cái ấy đều chẳng phải là ta, ta chẳng phải các cái ấy, cả thầy đều chẳng phải là của ta. Đó là điều mà bậc thông rõ đạo lý, phải suy xét như vậy. Như thế, các tỳ khuru này! Bậc thiện trí thức hiểu rõ đạo lý phải nói như vậy: cái ngũ uẩn mà ta có đây, ta biết nó chẳng phải là ta, nếu ta thấy rõ như vậy rồi, ta chẳng còn sa mê theo cõi trần này nữa, không sa mê thì ta chẳng còn tham lam, vọng tưởng, ta được vào Niết-bàn trọn vẹn vậy; cái kiếp này là kiếp chót của ta, ta sẽ vào chốn vĩnh an, ta chẳng còn biết cái thân nào khác hơn cái thân này nữa.

- **Trong kinh Phật diệt độ, Đế Thích có nói như vậy:**

Thật như vậy, cái chi có tạo tác ra là không được lâu dài cả. Có sanh ắt có diệt, có sống ắt có chết, ấy là lẽ thường. Không sanh không diệt mới là được an vui lâu dài vậy.

- **Phật giải về lục căn**

Các tỳ khuru này! Cả thầy đều bị lửa đốt, cả thầy đó là cái chi? Các tỳ khuru này! Mắt thấy bị lửa đốt, vật thấy bị lửa đốt, biết vật thấy, bị lửa đốt, cảm giác vật thấy, bị lửa đốt, sự cảm giác sanh ra bởi cảm xúc, bị lửa đốt, bất hạn vui hay khổ, không vui hay không khổ, các sự cảm giác đó đều bị lửa đốt. Bị lửa chi đốt? Bị lửa tham, sân, si đốt; bị sanh, lão, bệnh, tử, tội lỗi, than van, khổ não, buồn rầu, rên siết, thất vọng đốt. Đó là lời của Phật vậy.

Tai nghe bị lửa đốt, tiếng mà tai nghe, bị lửa đốt, sự cảm động sanh ra bởi tai nghe, bất hạn vui hay buồn, không vui hay không buồn, sự cảm động đó cũng đều bị lửa đốt. Bị lửa chi đốt? Bị lửa tham, sân, si đốt; bị sanh, lão, bệnh, tử, tội lỗi, than van, rên siết, buồn, thất vọng đốt. Đó lời của Phật vậy (*tới tỳ, thiết, thân, ý Phật cũng giải y như trên kia*).

Biết rõ như vậy rồi, các thầy tỳ khuru này! Bậc trong sạch thông hiểu đạo lý, bắt chún xem, chún những vật thấy, chún biết vật thấy, chún gặp vật thấy, chún sự cảm giác sanh ra do cảm xúc, bất hạn vui hay buồn, không vui hay không buồn.

Chún nghe... chún ngửi... chún nếm... chún đụng chạm... chún biết... Lúc mà biết chún như vậy, các bậc cao nhân có được thoát khỏi cái tham, thoát khỏi cái tham thị họ được thoát khỏi lưới trần, mà tự họ được biết rằng: ta được giải thoát, chẳng còn luân hồi nữa. Ta được vào bậc Thánh nhơn, phận sự ta đã trọn. Ta chẳng còn trở lại cõi trần này nữa. Đó là cái biết của bậc chứng quả vậy.

(Nhờ nghe giải bày này mà ba anh em ông Ca-Diếp và một ngàn đệ tử của ông thầy đều được đắc quả).

Người mà ngũ quan được bình tịnh, cũng như ngựa bị kẻ chặn chuyên tập cách khéo léo; người trừ được tánh kiêu căng, tránh khỏi điều bất tịnh, người mà được trọn lành như thế, thì các vị thánh hiền cũng đều có lòng ao ước vậy.

Được vui hẳn ở đời này, là với những kẻ nghịch mà lòng mình không nghịch. Được vui hẳn ở đời này, là chung với kẻ đau mà mình mạnh. Được vui hẳn ở đời này, là chung với người mệt mà mình không mệt. Được vui hẳn ở đời này, là mình không còn dính dấp việc trần thế nữa. Người nào ở nơi vắng vẻ, tâm được thanh tịnh, suy xét điều chân lý trước mắt thì được an lạc luôn.

Biển, biển các tỳ khuru này! Kẻ thế thường hay gọi như vậy vì họ chưa rõ thông chân lý. Nhưng các tỳ khuru này! Bậc đại trí thức không thể không kêu biển, biển như vậy được. Đó chỉ là một vũng nước to vậy thôi.

Các tỳ khuru này! Mắt thường cho đó là biển: các điều thấy được đó là sóng dợn của biển. Người nào qua khỏi các lượng sóng dợn đó, người ấy mới xứng đáng làm thầy Samôn vậy. Nhờ tâm vững vàng nên qua mới khỏi biển, có sóng gió, nguy hiểm, mà khi qua đến bờ kia rồi mới đứng được trên miếng đất rất chắc chắn và vững vàng vậy.

Tới nhĩ, tỳ, thiết, thân, ý cũng giải như trên vậy, Phật tiếp nói thêm nữa rằng: người nào đã qua khỏi biển rất nguy hiểm, có cả sóng to, gió lớn, thì được sáng suốt, làm bậc thánh nhơn, là người đã đi đến bỉ ngạn vậy.

- **Phật giải về cái vô tướng**

Cái đó chẳng phải là ta, ta chẳng phải là cái đó, cái đó chẳng phải là của ta. Cũng như một cái thành kia bị cháy, nó không cháy cái chi của ta hết. Cũng như một xứ kia bị cướp phá, họ không cướp phá cái chi của ta hết.

- **Thức và danh sắc**

Ananda này! Nếu cái thức không có danh và sắc là nơi nương dựa, thì cái sanh, lão, bệnh, tử là nguồn cội của cái khổ, có thể nào sanh ra được không?

- Bạch, không thể nào sanh ra được.

- Bởi vậy, Ananda này! Cái nguyên nhân của thức đó là danh và sắc vậy.

Do đâu mà có danh và sắc? Danh và sắc từ đâu mà đến? Bởi có cái thức mới có danh và sắc, từ cái thức mà danh và sắc đến. Do đâu mà có cái thức? Cái thức từ đâu mà lại? Do danh và sắc mới có cái thức, cái thức từ danh và sắc mà lại.

Các thầy tỳ-khuru này! Bị Bò-tát Vipassi có nói như vậy: thức nương theo danh và sắc mà danh và sắc cũng nương theo thức vậy.

Ông Xá-lợi-phất có nói như vậy: cũng như hai bụi cỏ lan, ngã đụng nhau, nương lấy nhau mà đứng được. Nên cái thức mà có, cũng bởi danh và sắc, danh và sắc mà sanh cũng bởi cái thức vậy.

- **Phật giải cho một thầy Bà-la-môn nghe (Dịch theo kinh Majjhima Nikaya)**

Tôi có nghe như vậy: một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại thành Xá-Vệ, nơi vườn của ông Cấp-Cô-Độc, có giảng cho các đệ tử nghe rằng: cũng như một miếng vải lấm bùn, đem nhúng vào nước màu xanh, vàng, đỏ hay đen, nó không ăn màu được tốt tươi vì miếng vải còn dơ. Các thầy tỳ-khuru này! Cũng như một người kia tâm chưa được trong sạch, phải hằng chịu điều đau khổ.

Trái lại, miếng vải sạch, ăn nước màu đẹp đẽ. Cũng như một người kia, tâm được trong sạch thì hằng được sáng suốt luôn. Thế nào gọi là tâm bất tịnh? Là tâm bủn xỉn, ham giàu sang, hung dữ, giận hờn, oán ghét, tật đố, oán thù, tham lam, nịnh hót, xảo trá, ngang ngược, kiêu căng, xác xược, tự tôn tự trọng. Bao giờ con người biết rằng đó là tâm bất tịnh, họ mới sanh lòng chán nản. Lúc biết chán, họ mới đem lòng tin Phật Pháp. Bậc Thánh Nhơn được sáng suốt hoàn toàn, đi theo con đường đạo đức, được an lạc, rõ thấu thế sự; được làm chủ cái tâm, làm thầy trời và người là Phật vậy.

Hết lòng tin Phật Pháp, biết Pháp đó, Phật dạy theo chơn lý, vừa lòng tất cả mọi người hữu duyên và cho sự giải thoát.

Tin có Tăng, có giới luật, tin sự hành động và lời của Đức Thế Tôn dạy theo chơn lý. Tin có sự bình đẳng trong nhà Tăng, để tìm sự an lạc mà trong đời, không có chi sánh bằng.

Sau rốt diệt tận được cái lòng tật đố, biết rằng mình chỉ tin Phật, Pháp, Tăng, người đó được an vui, trí được sáng láng. Nhờ vậy mới có thân an tịnh, thân an tịnh, tâm mới an tịnh.

Thầy Sa-môn được như vậy, hết lo sợ buồn rầu, đau đớn, khổ não, cũng như miếng vải dơ mà được sạch sẽ, sau khi nhúng vào nước trong, như vàng được tinh hảo, sau khi đốt trong lửa. Cũng như, thầy Sa-môn đã không còn buồn rầu, đau đớn, mà được tự do, tự tại vậy. Tâm chứa những ý tưởng từ, bi, hỷ, xả thì được vững vàng, sáng suốt, rải khắp bốn phương trời. Khắp thế giới đều được rước cái ý tưởng vui vẻ đó, cái trí thông minh hoàn toàn vô cùng tận không còn biết tới cái hung dữ và sân si là gì. Thầy Sa-môn đó được biết rằng: sự giải thoát ở ngoài cái thức. Lúc thấy và hiểu như vậy, thầy khỏi bị làm lạc mê sa

sự vui sướng theo ngũ quan, khỏi luân hồi và không còn vô minh nữa. Khi được giải thoát, thầy biết rằng thầy được giải thoát, là không còn phải sanh ra nữa. Như thế mới nên nói thầy đó được rửa lòng trong sạch vậy.

- **Phật giải về cái thân trược**

Ananda này! Biết được cái thân trược là thế nào? Đây, Ananda này! Thầy Sa-môn phải suy xét cái thân bọc trong da chứa đầy những sự dơ, từ bàn chân lên chi trên, từ đầu và chân lông cho tới dưới như vậy:

Trong thân mình có những: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, cật, tim, gan, mũi, đằm, lá lách, phổi, ruột già, ruột non, bao tử, phần, màng bao ruột, mật, mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc, mỡ lỏng, nước mắt, nước miếng, nước tiểu, nhớt, óc, cả thầy đều là trược cả.

Ananda này! Thầy Sa-môn phải bền chí gẫm xét về thể trược trong cái thân như vậy. Đó, Ananda này! Như Lai gọi là biết cái thân trược.

- **Phật giải về cái khổ**

Ananda này! Biết được cái khổ là thế nào? Đây, Ananda này! Thầy Sa-môn phải tham thiền như vậy:

Thầy phải bị nhiều điều khổ, bởi cái thân này, phải chịu nhiều điều rất khổ vậy. Có nhiều chứng bệnh xảy ra trong cái thân như thế này: đau mắt, đau tai, đau mũi, đau lưỡi, đau mình, nhức đầu, đau lỗ tai, đau miệng, đau răng, ho, suyễn, khạc đờm, nóng lạnh, đau bụng, bị máu xâm, đau kiết, hồi hộp, đau thiên thời, cùi, nhọt, ho lao, kinh phong, rát da, gàu, ngứa, ghẻ ngứa, tiểu có chất ngọt, đau vai, trái, đau trĩ, đau ruột, cảm, bệnh sanh bởi tật, bệnh sanh do quả báo sớm, bệnh đói, ăn không biết no, bệnh hay khát nước, bệnh tả v.v...

Ananda này! Đó là những chứng bệnh trong cái thân mà thầy Sa-môn phải hằng gẫm xét. Ananda này! Ấy, Như Lai gọi là biết cái khổ vậy.

- **Phật giải về sự dứt bỏ**

Ananda này! Biết sự dứt bỏ là thế nào?

Ananda này! Bao giờ nảy sanh ra ý tưởng, thương yêu, ham muốn sự tìm quấy (tội quấy), thầy Sa-môn không nên nghĩ tới nó nữa, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, không nên cho nó sanh ra được nữa.

Khi nó nóng giận, thầy đừng nghĩ tới nó, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, chớ cho nó sanh ra được nữa.

Mỗi khi nghĩ tới điều tội lỗi, nghịch hẳn với lẽ đạo, thầy không nên tưởng nó, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, chớ cho nó sanh ra nữa.

Đó, Ananda này! Như Lai gọi là biết được sự dứt bỏ vậy.

- **Phật giải về cái vô ngã**

Ananda này! Biết được cái vô ngã là thế nào? Đây, Ananda này! Thầy Sa-môn phải gẫm xét như vậy: Mắt chẳng phải là ta, sắc chẳng phải là ta, tai chẳng phải là ta, tiếng nghe chẳng phải là ta, lưỡi chẳng phải là ta, vị chẳng phải là ta, mũi chẳng phải là ta, mùi chẳng phải là ta, thân chẳng phải là ta, sự đụng chạm chẳng phải là ta, ý chẳng phải là ta, pháp chẳng phải là ta.

Ananda này! Thầy Sa-môn phải suy xét về lục căn và lục trần như vậy. Đó Ananda này! Như Lai gọi là biết được cái vô ngã vậy.

• Toát yếu

Đức Phật dạy các đệ tử phải xem xét việc làm, lời nói và ý tưởng cho nhất nhiệm nếu không sự tu hành khó bề tiến hóa.

Ở nơi vắng vẻ, người tu được tránh khỏi những điều trở ngại và sự lo âu. Người ỷ tu có thể làm tròn phận sự hơn người tu ở chùa. Sự tự trị là một điều rất cần ích để cho tinh thần được mau tấn hóa.

Bốn điều nghịch làm trở ngại trong việc tu hành là: tội lỗi, xu hướng theo bạn dữ, lo lắng để nuôi sống, không được tự trị. Vì thế, nhà Tăng lập ra để giảm bớt các điều khó khăn ấy. Sự bình đẳng bề ngoài trong nhà Tăng là: tăng chúng phải “đầu tròn y vuông”. Luật buộc mỗi thầy phải có ba manh y, không hơn mà cũng không thiếu. Ngoài ra mỗi vị được thêm một cái bình bát, một sợi dây nịt lưng, một con dao cạo, kim, chỉ và miếng vải lọc nước. Luật cấm không cho các thầy để dành đồ ăn dư, nghĩa là vật thực xin ngày nay, không nên để qua ngày mai. Phật có nói với ông Ananda như vậy: Ananda này! Các người chớ nên lo về sự kính trọng Xá-Lợi của Như-Lai. Các người chỉ chuyên cần tu hành cho được tấn phát. Đã có bực sang cả: vua, quan, Bà-la-môn và các nhà tâm đạo sẵn lòng tôn trọng Như Lai; để cho họ đưa đám và thờ cúng hài cốt Như Lai. Sự giải thoát chẳng phải ở dạng bề ngoài, nó ở trong tâm người vậy. Sự mê tín là tin nhờ có pháp chi ở ngoài cứu giúp cho là điều rất vô ích và thêm nguy hiểm nữa.

Cái chi không được bền vững lâu đều là khổ. Con người bị khổ là vì sự vật không được chắc chắn. Thân ta đây hay ngoài nó ra cũng vậy, có cái chi hòa hiệp mà không chia lìa chẳng? Người thường, ít hay để ý suy nghĩ đến sự mau tiêu hủy của cuộc thế, họ cứ vui đầu theo đó. Họ hằng bị tử thần rình bắt luôn, như thế, họ nào có được an vui lâu dài. Ma vương nghịch hẳn với chơn lý, nó thích thịnh âm và sắc tướng. Nó hằng tưởng rằng: cái này là của ta, cái này là ta. Nó bắt giữ con người tại cái tâm thức. Các sự hành động của ngũ quan và cái chi để nuôi sắc thân đều bị mắc vào tay Ma vương hết. Thầy tỳ-khuru nào theo bên, nắm chéo y Như Lai mà lòng xa Như Lai, Như Lai cũng xa thầy vậy. Vì sao? Bởi thầy không thấy Pháp tức là không thấy Như Lai vậy.

Phật chan chứa lòng từ bi với tất cả chúng sanh, nên Ngài đã chỉ con đường đi để diệt cái khổ. Nhưng Ngài để cho con người tự mình ân cần, lo lắng mà giải thoát lấy. Ngài nói: các người ráng hết lòng chuyên cần lấy. Như Lai chỉ biết khuyên bảo thôi. Cái quấy của người làm người phải chịu lấy, cái tội mà người tránh khỏi, người tự được trong sạch. Cái lành và cái dữ, sanh ra chẳng phải tại việc làm mà tại cái ý muốn.

Ông Mục-Kiền-Liên có hỏi đức Xá-Lợi-Phất: sư huynh ôi! Tội, tội, cái tiếng tội ấy nghĩa là gì?

- Đó là cái tên của cái ý ác.

Việc làm có tội là từ khi người có ý làm và thừa nhận. Sự vui sướng mà thành tội là từ khi nó còn ở trong cái ý tưởng ham muốn. Lúc nào người định làm điều ác, người đã mang tội rồi, không cần đã làm hay chưa làm. Sự ăn năn không cũng không đủ trừ tội, phải làm lành thêm nữa, làm lành nhiều hơn cái lỗi mới được.

Một vị Bồ-tát muốn rửa khỏi tội lỗi đã phạm, Ngài phải làm theo bốn điều này: tự cáo lỗi mình, làm lành để đền tội, hết lòng dứt bỏ, theo phép nương nhờ. Tự cáo lỗi mình là hết lòng ăn năn; đền tội là quyết chí làm việc nhân đức; dứt bỏ là nhất tâm sám hối, răn mình theo giới luật; phép nương nhờ là quy y Tam bảo.

Bởi nguồn cội cái lỗi ở trong tâm, nên cái sở hành cũng phải ở trong tâm. Sự trì chí là cái máy phép để làm lành, nó ở trong cái đức tin, nó là điều rất cần ích cho giới, định, tuệ.

Lúc mới vào đạo, người tu phải có chí khí trong lời nguyện như vậy: nếu tôi không hết lòng trì chí, tu hành cho đến khi đạt được mục đích, tôi nguyện cho thân này (da, thịt, gân, cốt, máu) đều bị khô héo.

Thế nào gọi là kiềm chế ngũ quan? Như gặp sắc tốt phải tưởng rằng: cái sắc tốt này nó xúi giục ta phải chịu nhiều điều khổ não, ta nên sanh lòng gớm ghê. Khi thấy vật chi không vừa lòng nên nói thầm: ta không nên gớm những vật đáng ghê, thì ta mới không gớm ghê. Ái ôi! Ta biết người từ đâu mà sanh, người sanh từ cái muốn. Nhưng ta không muốn cho người sanh, thì người không được sanh ở nơi tâm ta vậy.

Muốn cho được, như thế phải luyện tập và xem xét cái trí nhớ cho nhất nhiệm và hết lòng gìn giữ lục căn. Như vậy, sự chăm chỉ, cẩn thận là điều cần thiết mà ông thầy nên khuyên đệ tử phải cho có. Nó lại hơn cái hạnh từ bi nữa, nó là gốc của cái nền đạo đức vậy.

Tỳ-khưu phải thường quán sát luôn đến sự hành động của thân, khẩu, ý hằng vững vàng, chăm chỉ, cũng không lòng ham muốn và than trách như kẻ thế. Có sự chăm chỉ là khi nào làm chủ được ngũ quan và một lòng theo chân lý. Phải chăm lo để ngăn ngừa cái trí nhớ không cho làm lạc ra ngoài đường đạo. Tỳ-khưu nào ý mình được tiến hóa, không hết lòng chú ý trong việc hành đạo sẽ bị nguy to.

Người nào còn ở tại gia là chưa dứt ái tình. Có một vị hoàng tử Thích-ca bạch với Phật như vậy: tôi suốt thông đạo lý, nhưng không rõ vì sao tôi hằng bị cái tham, sân, si phá rối luôn? Phật đáp: đó là tại người chưa dứt được cái tánh nên xấu xa, tội lỗi. Nếu đã dứt xong, người không còn ở trong nhà được và chẳng còn ăn uống theo ý thích người nữa.

Được định trí là nhờ sự dứt bỏ, chớ ở chốn phồn hoa thì không thể nào có sự an lạc được. Cần phải tránh xa năm điều vui sướng này, nó làm cho tinh thần chậm tiến hóa: vui theo thế sự, nói nhiều, ngủ nhiều, có nhiều việc, hay chiều theo việc nhỏ nhặt và sự xảy đến bất kỳ.

Tỳ-khưu muốn được thanh tịnh, cần phải thọ thực trong nơi vắng vẻ, nếu ở chốn tịch mịch thì cảnh ấy cho phù hợp với phép tham thiền. Phải chọn nơi nào không xa lắm và cũng không gần làng xóm lắm, cho dễ bề khát thực, có nước trong, có cây lá, xa thú dữ và được hưởng cảnh êm đềm.

Muốn cho kẻ học đạo có sự vui theo lẽ chánh, Phật hằng khuyên đệ tử phải gìn giữ giới luật và có lòng từ bi ái ái, trì chí với sự hoan hỷ theo lẽ đạo.

Thế nào là hành đạo cho mau được kết quả? Là tỳ khưu phải tránh sự khổ hạnh và nên vui theo lẽ phải.

Khi người tu gặp kẻ dữ, không nên có ý tưởng ghen ghét hay quở trách kẻ đó. Đã không xử đoán mà lại phải tỏ lòng muốn khuyên dụ người tội lỗi đó.

Tỳ-khưu có đạo đức là khi được đắc giới-định-huệ, không nên gọi mình là đủ và khinh rẻ đi, cũng không khoe mình mà phải hằng hết lòng tinh tấn tu hành cho công đức càng thêm cao thượng nữa.

Sự nặng nề của con chim chỉ có cặp cánh của nó, nên nó được thông thả, muốn bay đi đâu cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Cũng như thầy tỳ-khưu được nó ấm chỉ nhờ có ba manh y và cơm của kẻ tâm đạo. Đi đến đâu chỉ có tam y và cái bình bát. Ai cho cùng không, gặp cảnh khổ cùng vui với sự khen chê, sang hèn, sanh tử với kẻ nghịch cùng bạn lành, thầy cũng vẫn tự do thơi thới và không lòng tạt đổ cùng quở trách ai.

Phật dạy con người phải hết lòng gìn giữ lấy mình luôn luôn, để ngăn ngừa các điều ác trong kiếp hiện tại và vị lai. Bởi cái phước hay cái tội sanh ra do cái nhân lành hoặc dữ, chắc như vậy. Số mạng con người trong kiếp này (tội lỗi, tật bệnh, dốt nát, yếu đuối, ốm

đau) đều tại con người đã làm ra cả, vậy người nên trông cậy nơi mình, vì các sự khổ đều do tội lỗi sanh ra.

Rất hữu phước cho những người được ở nơi vắng vẻ, được phi chí, nghe và thấy chơn lý. Rất hữu phước cho những người không lòng độc ác, không làm hại loài động vật. Rất hữu phước cho những người đã được dứt bỏ tình quyến luyến, việc trần thế và trừ được lòng tham muốn. Những người không lòng ngã chấp (là chấp cái ta) mới thật là hạnh phúc tối cao.

Biết được rằng không có cái ta, các bậc tu Phật cho đó là nguồn cội của cái quả phước vô lượng vậy. Nó là cái giáp sắt để ngừa tất cả tội lỗi và sự kinh hãi xảy đến.

Bao giờ biết rằng: chẳng có cái chi là ta, cũng chẳng có cái chi là của ta, với những vật gì cùng với người nào, mình cũng không có lòng yêu dấu và ghen ghét hay sợ hãi, khi ấy mới gọi là đạt được mục đích cứu cánh thoát ly sinh tử, luân hồi, chứng quả vô sanh bất diệt.

• Niết-bàn

Phật nói cho ông Purna nghe như vậy: nhờ cái biết nên Như Lai mới thấu lẽ hư không của ngũ uẩn, Như Lai mới không còn nhiễm bụi trần nữa. Như Lai chỉ tìm sự cần ích. Như Lai sẽ diệt độ.

Có thầy Bà-la-môn hỏi đức Xá-Lợi-Phát rằng:

- Niết-bàn, Niết-bàn, các ông cứ nói Niết-bàn hoài. Vậy Niết-bàn là gì đây?
- Là dứt tham, sân, si thầy ôi! Đó gọi là Niết-bàn vậy.
- Thánh, Thánh, các ông cứ nói Thánh, Thánh hoài, vậy Thánh là thế nào?
- Là dứt tham, sân, si thầy ôi! Đó gọi là Thánh vậy.

• Lời dạy

Phật có dạy: những kẻ có tâm đạo như có nghe hoặc xem kinh, hay nghe xem rồi phải nhớ vào lòng để suy xét cho thấu lẽ đạo mới có đức tin, có tin chắc mới có sự mong tới, chăm chỉ, có định và tuệ rồi mới có giải thoát.

Vậy mình nên dùng hết trí tuệ để suy gẫm những lời Phật đã giáo truyền. Phải suy đi xét lại cho nhiều lần mới được thông suốt ý nghĩa lý trong mỗi bài giảng cho ăn sâu vào trong trí thì nhập định mới mau cho kết quả. Bằng chưa chịu tin, tâm hay phóng, tâm phóng thì không đại định được, đại định không xong mong gì phát tuệ.

Thái tử Sĩ-Đạt-Ta xưa kia, trước khi nhập định Ngài hằng xét về: cái vô thường, cái khổ não, cái vô ngã rồi Ngài mới nhập định theo số tức quan. Các bậc A-lan-hán trước kia cũng nhờ tưởng gẫm thấu lẽ Phật ngôn, rồi nhập định mới được nên quả vị.

Vậy, chẳng nên xem qua một đôi lượt rồi thôi mà gọi rằng đủ. Phải quán tưởng cho tột lẽ, bài nào hiệp ý mình nên đem ra suy nghĩ một, hai tháng cho thâm thúy rồi sẽ xét tới bài khác. Xin các bậc có đạo tâm nên lưu ý đến.

Lê Văn Giảng

PHẬT NGÔN

• Dhammapada Khuddakanikāya

1. Appamādañca medhāvī dhammaṃ seṭṭhamva rakkhati: bậc trí tuệ hằng duy trì sự không cầu thả, như người giữ của báu vậy.
2. Appamādarato hotha: các người nên ưa thích trong sự không cầu thả.
3. Suddhi asuddhi paccataṃ nāñño aññaṃ visodhaye: sự trong sạch và không trong sạch là do lòng mình, kẻ khác khiến tha nhân cho trong sạch không được.
4. Khanti paramaṃ tato ʈitikkhā: nhẫn nại tức là sự nhịn nín, là pháp thiêu hủy tuyệt luân các ác pháp.
5. Sacittamanurakkhatha: các người hãy theo giữ cái tâm của mình.
6. Attanova avekkheyya katāni akatānica: phải chỉ nên chú ý xem công việc mình đã làm hoặc chưa làm.
7. Dhammapīti sukhaṃ seti: người có phi lạc trong Pháp, thường ngủ được vui.
8. Dhammacārī sukhaṃ seti: người hành đúng lý, thường ngủ được vui.
9. Nahi pabbajito patūpaghāti samano hoti param vihethayanto: bậc xuất gia mà còn sát sanh, làm phiền, đê ép kẻ khác không gọi là Sa-môn đâu.
10. Hirinisedho puriso koci lokasmim vijjati: người phòng ngừa bằng sự hổ thẹn, ít có trong đời.
11. Nahi verena verāni sammantidha kudācanam: bắt kỳ vào giờ nào, các thù hận chẳng yên lặng bằng sự oán giận được.
12. Jayaṃ veraṃ pasavati: người thắng thường gây ra thù hận.
13. Dukkhaṃ seti parājito: người bại hằng ngủ chịu khổ.
14. Natthi santiparaṃ sukhaṃ: cái vui ngoài cái “tâm” yên lặng chẳng có đâu.
15. Akkodhena jine kodham: phải thắng cái giận bằng sự không giận.
16. Asādhum sādhunā jine: phải thắng cái xấu bằng sự tốt.
17. Jine kadapikaṃ dānena: phải thắng sự bón rít bằng sự cho.
18. Saccenālikavādinam jine: phải thắng kẻ nói dối bằng lời ngay thật.
19. Natthi loke anindito: người không bị khiển trách, chẳng có trong đời.
20. Danto seṭṭho manussesu: giữa đời, người đã được tự hóa, là kẻ cao quý hơn hết.
21. Suddasaṃ vajjapannesam attano pana duddasaṃ: người hay xem lỗi kẻ khác khó thấy tội mình.
22. Sabbādanam dhammadānam jināti: thí Pháp thắng tất cả sự thí.
23. Sabbarasaṃ dhammaraso jināti: vị của Pháp, tự nhiên thắng tất cả vị.
24. Sabbarataṃ dhammarati jināti: hoan hỷ Pháp, thắng tất cả sự hoan hỷ.
25. Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti: sự phá hủy ái dục, thắng tất cả thống khổ.
26. Hananti bhogā dummedham: tài sản hằng giết người vô trí tuệ.
27. Tathattānam niveseyya yathāyaṃ bhūri pavattati: trí tuệ tăng trưởng bằng cách nào, phải chú tâm bằng cách đó.
28. Sukhā saddhā patiṭṭhitā: đức tin cùng cố vững chắc rồi, thường đem đến sự an vui.
29. Sukhaṃ yāvajarā sīlam: giới cho hạnh phúc đến già.
30. Adassanena bālānam niccameva sukhi siya: người thường được sự vui, do không gặp kẻ ác (bāla).
31. Natthi akāriyaṃ pāpaṃ musavadissa jantuno: người năng nói dối, không làm nghiệp ác không được (tức hay làm nghiệp dữ).
32. Dhīro ca sukhasamvāso nātinamvā samāgamo: sự ngu chung với bậc trí tuệ, tự nhiên, cho sanh hạnh phúc, như được hội họp với gia quyến.

- **Sagāthavagga saṃyuttanikāya**

33. Puññaṃ corehi dūharaṃ: bọn cướp khó cưỡng đoạt được cái phước.
34. Yādisaṃ vappate bījaṃ tādisaṃ labhate phalaṃ: người gieo giống nào, tự nhiên hái quả ấy.
35. Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhāmāno puññaṇā kayirātha sukhāvahāni: khi người xem thấy sự kinh sợ trong cái chết, nên làm việc phước là nguyên nhân đem đến hạnh phúc.
36. Yato yato ca pāpakaṃ tato tato mano nivāraye: tội sanh từ cảnh giới nào, phải ngăn cái tâm ra khỏi cảnh giới đó.
37. Lobho dhammānaṃ panipaniho: sự tham đem những mối hiểm nghèo đến các Pháp.
38. Attānānce piyaṃ jañña na naṃ pāpena saṃyuje: nếu biết rằng ta là nơi thương yêu vừa lòng của ta, thì chẳng nên làm việc dữ.
39. Dhammo suciṇṇo sukhamāvahāti: Pháp mà người đã hành đúng rồi, tự nhiên nó đem đến sự vui.
40. Icchaṃ naraṃ parikassati: lòng nguyện vọng hằng dắt dẫn nhân loại.
41. Itthi malaṃ brahmacariyassa: phụ nữ là đơ bẩn của Phạm hạnh.
42. Natthi attasamaṃ pemaṃ: sự thương yêu (cái chi) không bằng thương mình.
43. Pannājīvī jivitamāhu setthaṃ: các bậc trí tuệ thường nói rằng sinh mạng của người tồn tại bằng trí tuệ, là sinh mạng cao quý.
44. Paññāya parisujjhati: người trở nên tinh khiết được do trí tuệ.
45. Sussūsaṃ labhate paññaṃ: chỉ nên nói lời chân thành.
46. Viriyena dukkhamaceti: người thoát ly cái khổ được do sự tinh tấn.
47. Saddhā sādhu patithitā: đức tin đã củng cố rồi, hằng khiến lợi ích được kết quả.
48. Saddhīdha vittaṃ purisassa setthaṃ: đức tin là của báu của người đời.
49. Saccena kittiṃ pappoti: người đạt đến danh vọng bằng lời chân thật.
50. Sacce atthe ca dhamme ca ahu santo patitthitā: các bậc tịnh giả thường củng cố trong lời chơn thật theo pháp và lý.
51. Satimato sadā bhaddhaṃ: sự tiến hóa hằng có đến người có trí nhớ luôn luôn.
52. Sabbhireva samāsetha: chỉ nên giao thiệp với bậc tịnh giả.

- **Uddhāna khuddakanikāya**

53. Sukho viveko tutthassa = “viveka”: tức là sự ở ẩn của người trí túc đem đến sự vui.
54. Abyāpajjhaṃ sukhaṃ loke: lòng không oán ghét, ác cảm là vui trong đời.
55. Saṃvohārena soceyyaṃ veditabbaṃ: nên biết rõ cái tính trong sạch bằng công việc.
56. Āpadāsu thāmo veditabbo: người nên biết rõ tâm lực trong khi nguy hiểm.
57. Sākacchāya pañña veditabbā: người nên biết rõ trí tuệ bằng sự biện luận.
58. Saṃvāsenā sīlaṃ veditabbaṃ: người nên biết rõ giới bằng sự ở chung nhau.
59. Saññaṃati veraṃ na pīyati: người tự nhiên, không nên chắt chứa mối thù hận.

- **Suttanipāta khuddakanikāya**

60. Dhammakāmo bhavaṃ hoti: người mong mỏi Pháp, tự nhiên, có sự tấn hóa.

- **Suttamanta (pakavatta)**

61. Khantī dhīrassa laṅkāro: đức nhẫn nại là laṅkāra của hàng trí tuệ.
62. Khantī balavaṃ yatīnaṃ: đức kiên nhẫn là sức mạnh của bậc xuất gia.
63. Khantī hitasukhāvahā: sự bền chí hằng đem đến những lợi ích tức là hạnh phúc.
64. Manāpo hoti khantīko: người có đức kiên tâm là nơi vừa lòng (của kẻ khác).

- **Mahāvibhaṅga vinayapitaka**

65. Na taṃ yā ce assa piyaṃ jitimse: không nên xin vật vừa lòng của người.

- **Maṅgalatthadīpani**

66. Nānayaṃ nayati dhīro: người có trí tuệ, tự nhiên, không dẫn dắt trong việc không nên.

- **Temiyajāṭaka**

67. Sabbattha pūjito hoti yo mitānaṃ na dubbhati: người không phản bạn, thường được tôn kính cúng dường trong các nơi.

68. Pūjako labhate pūjaṃ: người tôn kính cúng dường thường được tôn kính cúng dường.

- **Aṭṭhakanipāta jāṭaka**

69. Anuvicca paññāya kareyya kiccaṃ: nên quan sát bằng trí tuệ trước rồi mới nên làm công việc.

- **Atthakanipāta aṅguttaranikāya**

70. Ujjhattibalā balā: những người si mê hay nhìn lỗi kẻ khác.

71. Nijjhattibalā paṇḍitā: những bậc hiền minh không hay nhìn xem lỗi của kẻ khác.

72. Attanuujjhattibalā paṇḍitā: bậc trí tuệ hay nhìn xem lỗi mình.

73. Sampannappaññe sevetha: nên giao thiệp với hàng có trí tuệ đầy đủ.

- **Sattakanipāta jāṭaka**

74. Ubhinnaṃatthaṃ carati attano ca parassa ca: bậc hiền minh làm cả hai lợi ích, lợi ích của mình và lợi ích của kẻ khác.

75. Jātim kayirā avihethayaṃ paraṃ: nên hành cho phát triển bằng sự không làm phiền kẻ khác.

76. Yattha verīnivasati na vase tattha paṇḍito: người có sự oán hận ở trong nơi nào, bậc hiền minh không nên ngụ trong nơi đó.

77. Kareyya vākyāṃ anukampakānaṃ: nên làm theo lời của người thương xót mình.

78. Kodho dummedhagocarō: khí giận là cái thích hợp của kẻ vô trí tuệ.

79. Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ chattaṃ mahantaṃ viyavassakāle: theo sự thật, pháp tự nhiên hộ trì người hành chánh pháp, như cây dầu to trong mùa mưa vậy.

80. Manussapheggu nālide yasmim natthi kataññutā: lòng biết ơn không có trong kẻ nào, không nên gán người đó, là người vô giá trị.

- **Ekanipāta jāṭaka**

81. Ekeva seyyo puriso sappañño yo bhāsitassa vijānati atthaṃ: người có trí tuệ chỉ một mình hiểu rõ nghĩa lý Phật ngôn cũng là cao quý quá.

82. Mokkho kalyāṇinā sādhu: sự thốt lời lành khiến cho lợi ích được kết quả.

83. Telapattaṃ yathā parihareyya evaṃ sacitta manurakkhe satiyā: người nào nên bảo vệ cái bát đầy dầu thế nào, cần phải giữ gìn cái tâm của mình bằng trí tuệ như thế đó.

84. Na vissase avissatthe: chẳng nên thân thiết với người không thân thiết.

85. Mantīsu akutūhalam: trong sự bàn bạc phải cần người không nói nhảm.

86. Mānuññameva bāhāseyya: chỉ nên nói lời êm dịu vui thích.

87. Nāmanuññaṃ kudācānam: bất kỳ vào giờ nào, cũng chẳng nên thốt lời không hoan hỷ.

- **Uparipaṇṇāsaka majjhimanikāya**

88. Adītam nānvāgameyya: chẳng nên suy nghĩ theo cảnh giới đã qua rồi.

89. Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappañītatāya: cái nghiệp phân hạng chúng sinh thấp hèn và cao sang (khác nhau).
 90. Santimeva sikkheyya: chỉ nên thực hành sự yên lặng.

- **Dukkanipāta jāta**

91. Attappaṃsako poso na yaṃ asmāka vuccati: chúng ta đừng vừa ý người tự ca tụng mình.
 92. Kareyya yogaṃ dhuvamappamato: người không cầu thả nên cố gắng liên tiếp.
 93. Kālo ghasati bhūtāni sabbāneva sahattanā: thì giờ hằng tàn phá tất cả chúng sanh và ta.
 94. Caturāgatigamaṃ nappaṃsanti paṇḍitā: các bậc hiền minh thường không ca tụng sự đeo đuổi theo bên pháp tây vị.
 95. Mā kodhassa vasaṃ gami: đừng đuổi theo thế lực của sự giận.
 96. Sukho have sappurisenā saṅgho: sự gặp gỡ bậc tịnh giả thường đem đến sự yên vui thật.

- **Mahāvagga dīghanikāya**

97. Indriyāni rakkhanti piṇḍitā: những bậc hiền minh hằng gìn giữ các căn (nhãn, nhĩ, v.v...)

- **Mahāpariuiḍḍāsūtra dīghanikāya mahāvagga**

98. Atthaṅgiko ca maggānaṃ khemaṃ apatagāminam: trong các đạo, đạo bát chánh là đạo an ninh, là nguyên nhân đến bất diệt pháp.
 99. Appaṅcidaṃ jīvitamāhu dhīrā: các bậc trí tuệ thốt rằng sinh mạng này mỏng manh lắm.
 100. Kāmehi lokamhi nahatthi titti: sự thỏa mãn bằng ngũ dục chẳng có trong đời.
 101. Pāpāni kammāni karonti mohā: chúng nhân thường tạo ác nghiệp vì lòng si mê.
 102. Puññamākaṅkhamānānaṃ saṅgho ve yajataṃ nukhaṃ: tăng lữ đó là bậc nhất của chúng nhân, những người mong mỗi hạnh phúc nên dẫn nhau cúng dường.
 103. Cite asaṃkiliṭṭhe sugati pāṭikaṅkhā: khi cái tâm không phiền não rồi nên hy vọng tình trạng hạnh phúc.
 104. Cite saṅkilitthe dukkhati pāṭikaṅkhā: khi cái tâm dơ bẩn rồi, nên tin rằng là khu vực khổ sở.

- **Sattakanipāta anguttatanikāya**

105. Atta hi paramaṃ piyo: cái ta đó là nơi thương yêu vừa lòng xuất chúng.
 106. Kodhano dubbaṇṇo hoti: người hay càu nhàu thường có màu da xấu xa.
 107. Kuddho dhammaṃ na passati: người giận hằng không thấy Pháp.

- **Dasakanipāta anguttaranikāya**

108. Pariyodapeyya attānaṃ cittaklesehi paṇḍito: bậc hiền minh nên thanh khiết khỏi sự dơ bẩn của cái tâm.

- **Ekadasakanipāta anguttaranikāya**

109. Amanussānaṃ piyo hoti: người hành pháp bác ái, thường là nơi yêu mến của chúng sanh và phi nhơn.
 110. Asammulho kālaṃ karoti: người hành pháp bác ái thường không bối rối trong khi hấp hối.
 111. Tuvaṭaṃ cittaṃ samādhīyati: tâm của người hành pháp bác ái thường mau đắc thiền định.
 112. Devatā rakkhanti: chư thiên hằng hộ trì người hành pháp bác ái.

113. Na pāpikaṃ supinaṃ passati: người hành pháp bác ái, tự nhiên không nằm mộng thấy điều ác.
114. Manussānaṃ piyo hoti: người hành pháp bác ái, tự nhiên là nơi thương mến của chúng nhân.
115. Mukhaṃ vaṇṇo pasidati: sắc mặt của người hành pháp bác ái, tự nhiên sáng sủa.
116. Sukhaṃ supati: người hành pháp bác ái, tự nhiên ngủ cũng vui.
117. Sukhaṃ paṭibujjhati: người hành pháp bác ái, tự nhiên thức dậy cũng vui.
118. Nassa aggi vā viṣaṃ vā satthaṃ kamati: lửa hoặc thuốc độc hay vũ khí, tự nhiên không hại được người hành pháp bác ái.
119. Uttariṃ appativijjha brahmalokūpago hoti: người hành pháp bác ái, nếu chưa đắc đạo cũng sanh trong cõi Phạm thiên.

• **Pañcakanipāta anguttarakāyā**

120. Aggassa dātā labhate punaggamaṃ: người thí vật tối cao hằng được vật tối cao trả lại.
121. Dhamme ṭhitaṃ na vijahāti kiṭṭi: danh vọng, tự nhiên không từ bỏ người có tánh kiên cố trong pháp.
122. Puññāni paralokasmiṃ patiṭṭhā honti pāṇinaṃ: phước là nơi nương nhờ của chúng sanh trong ngày vị lai.
123. Manāpadāyi labhate maṇāpaṃ: người cho vật vừa lòng, tự nhiên được vật vừa lòng.
124. Sukhassa dātā medhāvī sukhaṃ so ādhigacchati: bậc trí tuệ cho sự hạnh phúc (đến kẻ khác), ngài, tự nhiên được thọ lãnh cái vui trả lại.
125. Setthandado setthamupeti thānaṃ: người thí vật cao quý, tự nhiên vào đến nơi cao quý.

• **Chakkanipāta jāṭaka**

126. Candanādinam gandhānam sīlagangho anuttaro: trong các mùi thơm, nhứt là trầm hương, thì giới hương cao quý hơn hết.
127. Dhīro bhoge adhigammā sanganhāti ca nātake: bậc trí tuệ có tài sản, hằng đổi đãi từ tế với thân quyến.
128. Mā tāta kujjhi nahi sādhu kodho: người đừng giận ghét vì khí sân không tốt đâu.

• **Navakanipāta jāṭaka**

129. Na ghāsahetūpi kareyya pāpaṃ: chẳng nên làm tội chỉ vì nguyên nhân ăn.
130. Attano uttariṃ bhajetha: nên giao thiệp với người cao quý hơn mình.
131. Natthi loke raho nāma: việc kín đáo chẳng có trong đời.
132. Nihīyati puriso nihīnasevī: người giao thiệp với kẻ thấp hèn, tự nhiên phải sa ngã.

• **Pakinnaka subhāsita**

133. Nisamma karaṇaṃ seyyo: quán tưởng rồi mới làm, cao thượng hơn.
134. Lokopatthambhitā mettā: bác ái là pháp nâng đỡ đời.
135. Arati lokanāsikā: sự góm ghét (không ưa thích) khiến cho đời tiêu hủy.
136. Sammukhā yā disaṃ ciṇṇaṃ parammukhāpi tādisaṃ: đối diện thực hành thế nào, đầu khuất mặt cũng phải thực tiễn như thế đó.

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO GÓP NHẶT NHƯ SAU

- Phật dạy phải cố sức tin cậy vào mình, chớ nên tối tăm nghĩ tín nhiệm ở kẻ khác.
- Phật dạy làm những việc lành, ngoài cái tâm ham muốn, hoặc thực hành cái chi mong được người báo đáp, hay làm bằng sự si mê lầm lạc (cái quấy cho là phải rồi làm).
- Phật dạy cho có sự kiên nhẫn bền lòng không biếng nhác, để tự mình thiết lập nền đạo đức.
- Phật dạy cho có tâm từ bi đối với kẻ khác, phải có lòng trắc ẩn thương hại người.
- Phật dạy rằng: ở trong quyền thế của kẻ khác là khổ nên mới khuyên cho có quyền không tùy thuộc, cả phía trong và phía ngoài. Sự tự do ở phía trong, là không làm nô lệ của phiền não, nếu chưa dứt được nó cũng đừng để nó bắt buộc thái quá.
- Phật dạy thắng cái xấu bằng cái tốt, thắng cái tâm oán hận bằng sự giải thù hằn và đồng thời cũng ráng sức làm cho mình đừng có lời cãi lầy, cho có kết tình thân hữu nhau.
- Phật dạy làm theo lẽ phải, là khi thực hành mong được quả vui, chớ nên phỏng đoán rằng: là như vậy, như kia, còn ức đoán đến đâu cũng chưa gọi là thấu chơn lý đến đó.
- Phật dạy cho có tâm nhẫn nại, chống lại với các sự khó khăn trở ngại, không nên là người nhu nhược, vừa gặp mỗi chướng ngại thì liền bỏ dỡ, phải tin rằng: sự nhẫn nhịn sẽ đem đến nhiều lợi ích và hạnh phúc.
- Phật dạy, không nên tin việc chi bằng cách khờ dại vô nhân quả. Ngài khuyên nên dùng trí tuệ trông nom luôn cái đức tin, phải lấy chơn lý làm bằng sự thử kỹ theo cách thực hành và quán tưởng cho chu đáo.
- Phật giáo rộng lớn hơn một thị xã, có đủ quyền cai trị một khu vực, một chánh phủ thống trị một nước Phật giáo có pháp hộ đời là điều hổ hện (hiri) và ghê sợ tội lỗi (attappa).
- Phật dạy cho có trí nhớ và trí tuệ (đi đôi nhau) là có trí hồi tưởng và tâm sáng suốt.
- Phật dạy cho có sự tiến hành luôn, như bảo phải tôn kính sự học tập, ân cần nghe pháp, giao thiệp với hiền nhân, và quan tâm nghe lời khuyên dụ. Ngài không ca tụng sự ngưng nghĩ trong việc lành, Ngài chỉ tán dương sự tiến bộ trong đường đạo đức.
- Phật dạy phải chú tâm truyền bá về vật chất và tinh thần cho xã hội được hoàn hảo an vui.
- Phật dạy không cho trở nên người thù hận, hoặc trông nôm kẻ khác chống cự thành kẻ nghịch, không dạy ghét bỏ người ngoại đạo.
- Phật không dạy cách cầu khẩn, van xin, sùng bái, để mong được kết quả, nhưng bảo phải thực hành cho sanh quả vui theo lẽ phải.
- Phật dạy phải xem đời bằng sự hiểu biết tỉ mỉ, sự thật: đời là vô thường, khó chịu được và là vô ngã, không phải là nơi nương nhờ, là nguyên nhân sanh các thống khổ được dễ dàng.
- Phật dạy cho duy trì cái pháp tức là chơn lý, không cho mình chấp mình là lớn hoặc đời là quý, nói cho dễ hiểu, không nên chấp người là trọng, phải nhận cái pháp, tức là lẽ phải là lớn lao.
- Phật dạy “paramattha” là điều lợi ích tối cao, phải hiểu rõ chơn lý là quan trọng, không nên lầm lạc nghĩ tưởng lợi, danh v.v... nhưng trong khi giao thiệp với xã hội, cũng nên biết mình nhận việc làm, lời nói của thân và khẩu cho thích hợp, là phải biết cách vào hội cho hiệp lễ, chớ nên chấp rằng: chẳng phải là ta, là người, là thú v.v...; đến khi tu tâm không cho dính mắc lầm lạc theo đời.
- Phật dạy các pháp từ thấp đến cao trong mỗi bậc vừa với khí chất mỗi người, như cách nuôi hài nhi cho đến kẻ trưởng thành vậy.
- Phật dạy: trí tuệ là cái soi đường đời, gọi là ánh sáng trong thế gian, trí tuệ phát sanh do sự suy nghĩ, học hỏi và ân cần nghe pháp rồi thực hành luyện tập theo chơn lý.

- Nhân mạnh trong cái đức tri ân (katāññū) và báo ân (katavedī). Ngài ca tụng người có đức tính đó, gọi là bậc hiền nhân, họ sẽ được nhiều hạnh phúc.
- Phật dạy dập tắt cái khổ, cái chi là nguyên nhân đầu tiên, Pháp tắt cái khổ tức là tắt các nhân của nỗi khổ, chung với sự hiểu biết cách thức hành để đến nơi diệt khổ mới gọi là pháp diệt khổ, có nhân quả nên hành theo.
- Phật không dạy áp bức, hoặc nói xấu người làm lỗi, phải giúp cho họ hồi đầu hướng thiện, không nên miệt thị họ. Đức Phật cũng từng thuật lại về điều sai lầm của Ngài trong thời gian ở địa vị Bồ-tát (còn luân hồi) cho thấy rằng phiền não còn đến đâu, cũng có thể làm quấy đến đó, song điều quan trọng là nếu biết là quấy rồi cần phải cải tà theo chánh liền.
- Phật dạy cho phát tâm trắc ẩn thương hại nhau, người nào khinh rẻ kẻ khác, và ý giàu sang quyền thế hoặc vì lẽ nào khác, không gọi là thực hành theo Phật giáo.
- Phật dạy làm lành được vui, làm dữ mang khổ, gieo giống nào hái quả ấy, chỉ phải gieo giống lành tức là cố sức chuyên cần chữa cải các việc dữ.
- Phật dạy rằng: sự giao thiệp với bạn lành, tự nhiên sẽ được giúp nhau trong đường hạnh phúc. Đức Ānanda gọi đó là trung tâm phạm hạnh; Đức Phật phán rằng: ấy là cái thân của phạm hạnh tròn đủ; Ngài cố ý ca tụng cái đức tính của bạn lành vậy.
- Phật dạy phải gìn giữ thân, khẩu cho đon trang bằng sự trì giới, tu tâm cho yên lặng bằng phép thiền định; bảo vệ cái kiến thức không cho sai lầm, cho đi ngay theo trí tuệ, mới gọi là thi hành theo thứ tự thấp cao trong Phật giáo. Do trí tuệ mà người có thể chữa cái khổ được, nhờ trí tuệ mà người tự nhiên, có ánh sáng trong đường đời tốt đẹp, nhờ trí tuệ mà người tu hành không sai lạc, vì thế trí tuệ mới là một đức tính tối cao, hằng đem đến tất cả hạnh phúc.
- Phật dạy làm cho giảm bớt lòng cố chấp cái ta, người chấp nhiều đến đâu, hằng có sự khổ não, nóng lòng đến đó.
- Phật dạy cho biết ba trạng thái thông thường của vạn vật và bảo phải quán tưởng luôn luôn về cái vô thường (aniccā) cái khổ não (dukkhā) với pháp vô ngã (anattā) để ngăn ngừa những điều phiền muộn, thất vọng, bồn chồn, lo lắng.
- Phật dạy: nếu không thông rõ tu thế nào là chân chính (vì có rất nhiều đạo) thì chỉ nên tu một đường, là phải chăm sóc cái tâm cho nó đi ngay theo bát chánh đạo.
- Phật dạy tu theo trung đạo (ở khoảng giữa của sự chế ngự cái tâm không cho phiền phức và buông thả cái tâm, chẳng đem lợi ích chi trong nơi cuối cùng) cái chi thái quá, quá mực trung bình, tự nhiên không tốt.
- Phật dạy phải chịu nghe sự suy nghĩ, thấy, biết của mình và của người, chẳng nên cương ngạnh, khó nói, khó dạy. Người nghe, ngấm thấy của kẻ khác, tự nhiên, có dịp sửa chữa điều sai lầm của mình được.
- Phật dạy phải tùy nghi theo nhân quả, dù là chân lý, nhưng nói không hạp thời, cũng chẳng nên, Phật dạy nói theo lẽ thật mà có lợi ích và tùy thời.
- Phật giảng rằng: kẻ si mê hằng có sự nhìn chòng chọc lỗi người, bậc trí tuệ năng xem lỗi mình, vì thế không nên chỉ luận bàn trong sự sửa chữa điều ác của kẻ khác, cần xem và sửa mình cho tốt trước, rồi sau mới nên dạy người.
- Phật dạy cho cái tâm yên lặng không rối trí và chỉ cho thấy rằng: lợi, danh, quyền thế nếu không biết dùng, không biết quán tưởng, nó sẽ biến thành chất độc hại mình.
- Phật dạy phải biết quán tưởng cho tỉ mỉ những điều xảy đến, rồi làm cho đúng trong lúc đầu, mới tránh khỏi sự khổ về sau. “Tượng ảnh Phật cảm thắng Ma vương” là phương pháp tu tâm rất tốt; tất cả vũ khí của Ma vương đều biến thành hương, hoa cúng Phật,

chỉ cho thấy rằng: những chất độc để cho kẻ khác có thể làm hương, hoa, dâng đến cúng dường, nếu biết dùng trí tuệ quán tưởng.

- Phật dạy: nếu không có sanh, già, bệnh, chết, Ngài cũng không thành Phật, phát minh rằng: dẫu những điều mà chúng nhân xem là thường, là vật nên ghét, sợ. Phật dùng những vật đó để làm phương tiện tìm lợi ích được. Vì thế, người có sự hiểu biết các loài là Pháp cũng như y sĩ có thể xem các loài cây là thuốc chữa bệnh được như thế.
- Phật chỉ rõ sự hy sinh từng bậc, bỏ cái vui nhỏ, để được cái phúc to, bỏ của để hộ tứ chi, bỏ tứ chi để giữ sinh mạng, bỏ sinh mạng để duy trì cái Pháp, ngõ hầu nâng cao tinh thần đến mức cuối cùng.
- Phật dạy: nên chịu thất bại ít để tránh sự hại nhiều, vì thế khi có nhân nào phát sanh phải hao tổn một ít, thì quán tưởng, nếu chịu mất, thua chút đỉnh để ngừa sự hao mòn nhiều, điều đó là điều tốt, bằng không nhân nại được với cái nhân nhỏ nhen, có thể sanh ra nhiều tai hại đến mình cũng có, vậy cần phải điều tra cho kỹ càng.
- Phật dạy khi có giới là gìn giữ thân, khẩu đoan trang, tự nhiên, hộ trợ cho thiền định phát sanh mau chóng, thiền định là luyện tập cái tâm không cho phóng túng, là phép trợ lực trí tuệ được dễ dàng.
- Phật dạy người sanh ra có rìu búa sẵn trong miệng, nếu không rõ thấu cách dùng nó, ắt bị nó chặt đẽo mình cho hư hại được (nhứt nhôn khả dĩ an bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang).

Toát yếu: Phật giáo gom vào phép không cầu thả, tức là không cho quên mình, ngạo mạng, hoặc không thận trọng. Tánh không chú ý là con đường chết, sự cẩn mật là con đường không chết. Vậy chư Phật tử nên đồng nhau cẩn thận trong Pháp, không cầu thả.

– Dứt tác phẩm Phật ngôn trích dịch (Pl.2502 – Dl.1959) –